



Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam Báo cáo kỹ thuật

**Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và
khả năng (VCA), xã Hải Phúc, huyện Hải
Hậu, tỉnh Nam Định**

Tổ chức nộp

Chữ Thập Đỏ

Tháng 8, 2014



Ấn phẩm này được soạn thảo cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ thông qua Hiệp định hợp tác số AID-486-A-12-00009.

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam là một dự án nhằm giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự án sẽ đưa vào thực hiện các chính sách và chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển phát thải thấp, tập trung vào giảm lượng khí thải từ ngành lâm nghiệp và nông nghiệp, tăng cường sinh kế và định cư thích hợp với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Giải quyết các rủi ro biến đổi khí hậu dài hạn và các lỗ hổng về giới trong cảnh quan rừng và đồng bằng là những mục tiêu chính của dự án.

Ấn phẩm này được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	1
Ghi nhớ của các bên liên quan.....	2
Tóm lược kết quả nghiên cứu của báo cáo.....	3
Giải thích thuật ngữ, viết tắt trong báo cáo.....	5
1. Các thông tin cơ bản về xã Hải phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.....	9
1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu.....	9
1.1.1. Tỉnh Nam Định.....	9
1.1.2. Xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.....	10
1.2. Tài nguyên thiên nhiên.....	10
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển.....	11
1.4. Cơ sở hạ tầng.....	11
1.5. Dân cư.....	13
1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội.....	14
1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội.....	15
1.7.1. Kinh tế.....	15
1.7.2. Xã hội.....	18
2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) theo 5 hợp phần.....	18
2.1. Sinh kế.....	18
2.2. Điều kiện sống cơ bản.....	20
2.3. Sự tự bảo vệ của hộ dân.....	22
2.4. Sự bảo vệ xã hội.....	23
2.5. Tổ chức xã hội/Chính quyền.....	24
3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương.....	24
3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội.....	24
3.1.1. Các loại hiểm họa, thiệt hại, xu hướng biến động.....	24
3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần.....	30
4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro.....	37
4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng.....	37
4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương.....	39
4.3. Nguyên nhân.....	40

4.3.1. Vấn đề 1	40
4.3.2. Vấn đề 2.....	40
4.3.3. Vấn đề 3.....	40
4.3.4. Vấn đề 4.....	40
4.3.5. Vấn đề 5.....	41
4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro.....	41
5. Kết luận và khuyến nghị.....	41
5.1. Kết luận 1	41
5.2. Kết luận 2	43
5.3. Kết luận 3	44
5.4. Kết luận 4.....	45
5.5. Kết luận 5.....	46
Tài liệu tham khảo	48
Phụ lục	49

LỜI GIỚI THIỆU

Dự án “Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu ở rừng và đồng bằng Việt Nam” (viết tắt là dự án “Rừng và đồng bằng Việt Nam” hay VFD) do Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, được triển khai tại 4 tỉnh: Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An trong thời gian 5 năm, từ 2013 - 2017. Mục tiêu chung của dự án là thúc đẩy sự chuyển đổi của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) để phát triển bền vững và hạn chế phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện Kế hoạch Quốc gia về BĐKH và Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh. Dự án VFD do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan chủ quản với sự tham gia chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân 4 tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An; các đối tác hỗ trợ kỹ thuật gồm có: Tổ chức Winrock International, Tổ chức Phát triển Hà Lan, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững. Dự án có 3 hợp phần: “Cảnh quan bền vững”, “Thích ứng BĐKH”, “Điều phối và chính sách”. Trong đó, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững, Tổ chức Phát triển Hà Lan cùng với 2 tỉnh đồng bằng là Nam Định và Long An phối hợp thực hiện chủ yếu hợp phần “Thích ứng BĐKH” nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH của người dân và Chính quyền địa phương; trang bị công cụ và khả năng tiếp cận của người dân với cách thức chuyển đổi sinh kế ở vùng đồng bằng để tăng cường khả năng chống chịu với các rủi ro trước mắt và lâu dài của BĐKH. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (tên viết tắt tiếng Anh là VCA) do các cấp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện từ năm 2010 đến nay là hoạt động cơ bản và cần thiết trước khi có những hành động can thiệp tiếp theo nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại cộng đồng. Thông qua hoạt động này, Chính quyền cùng với người dân sẽ xác định được tình trạng dễ bị tổn thương cũng như năng lực ứng phó của họ khi phải đối mặt với những rủi ro tự nhiên và xã hội cũng như những thách thức của BĐKH. Xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu được chọn là 1 trong 30 xã thuộc địa bàn dự án của tỉnh Nam Định. Đây là xã đồng bằng gần cửa sông, cửa biển, có mức sống khá (thu nhập bình quân 29,3 triệu đồng/đầu người/năm) so với các xã khác của huyện Hải Hậu. Kinh tế của xã Hải Phúc khá đa dạng, gồm nông nghiệp (trồng lúa), đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại nhưng nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh chịu rủi ro thiên tai và tác động của BĐKH.

Báo cáo kết quả đánh giá VCA được trình bày sau đây là tài liệu giúp Chính quyền, các ngành liên quan và các tổ chức, cá nhân có cái nhìn cụ thể về điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu ưu tiên cần giải quyết và đề xuất giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh BĐKH tại xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Những thông tin thu được trong báo cáo là cơ sở góp phần giúp Chính quyền xã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH một cách chủ động và hiệu quả. Báo cáo cũng có thể sử dụng như một công cụ để Chính quyền xã kêu gọi đầu tư, tài trợ vốn nhằm hỗ trợ xây dựng một cộng đồng an toàn và bền vững hơn trong tương lai.

HỘI CHỮ THẬP ĐỎ VIỆT NAM

GHI NHỚ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hoạt động Đánh giá VCA tại xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định diễn ra từ ngày 04 đến ngày 08 tháng 8 năm 2014 được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tập huấn viên cấp Quốc gia Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các Cán bộ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam”.

Kết thúc 5 ngày đánh giá với sự tham gia tích cực của hơn 427 người dân và lãnh đạo Chính quyền xã Hải Phúc, Nhóm đánh giá đã phác thảo báo cáo VCA. Qua thời gian làm việc của Chính quyền xã và Nhóm đánh giá đã chỉnh sửa và thông qua Báo cáo chính thức đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA).

Các bên liên quan thừa nhận bản Báo cáo VCA này là một tài liệu quan trọng để làm căn cứ cho các hoạt động tiếp theo của dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” cũng như các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính quyền xã Hải Phúc trong thời gian tới.

UBND xã Hải Phúc

Nhóm đánh giá VCA
Trưởng nhóm

Hoàng Thị Huyền

UBND huyện Hải Hậu

Hội Chữ thập đỏ Nam Định
Phó Chủ tịch

Phạm Minh Phương

TÓM LƯỢC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA BÁO CÁO

Trong khuôn khổ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” do USAID tài trợ, xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là một xã thuộc địa bàn dự án được triển khai tại tỉnh Nam Định. Để đảm bảo các hoạt động tiến hành tại xã phù hợp với tình hình thực tế, khả năng, nguồn lực cũng như hạn chế những điểm yếu đang tồn tại ở địa phương, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng tại xã làm tiền đề cho các hoạt động khác diễn ra nối tiếp đạt được kết quả cao hơn.

Đợt đánh giá VCA tiến hành từ ngày 04 đến ngày 08 tháng 8 năm 2014 được thực hiện bởi Nhóm đánh giá gồm 6 người là Hướng dẫn viên VCA của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Nam Định cùng với sự giúp đỡ của nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Trong thời gian 5 ngày Đoàn đánh giá đã tiến hành 14 cuộc họp với Chính quyền địa phương và người dân tại 15 xóm, tổng số người tham gia là 427 người (trong đó có 215 nữ, chiếm 50,3%); có 398 người dự họp, phỏng vấn cấu trúc (bộ câu hỏi) 20 người và phỏng vấn bán cấu trúc 09 người.

Bằng cách sử dụng các công cụ đánh giá đã được chuẩn hóa trong đánh giá VCA như: SWOT, Lịch mùa vụ, Phân tích sinh kế, Bản đồ rủi ro hiểm họa, Hồ sơ lịch sử, Sơ đồ Venn... thông qua các cuộc họp lấy ý kiến của người dân và Chính quyền địa phương, Nhóm đánh giá đã phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng cũng như rủi ro mà người dân đang sinh sống tại địa phương phải đối mặt.

Qua quá trình thu thập và phân tích thông tin, Nhóm đánh giá đã phát hiện ra các vấn đề chính tại địa phương ở các lĩnh vực an toàn, sản xuất kinh doanh và sức khỏe, môi trường như sau:

Vấn đề 1. Người dân lo lắng về an toàn tính mạng và tài sản trong mùa mưa bão, nhất là bão lớn (siêu bão) và nước biển dâng bởi: xã có vị trí giáp cửa sông, cửa biển; hệ thống tuyến đê biển, đê sông dài 3,820 km (trong đó đê biển 0,320 km), không có khả năng chống chịu bão gió trên cấp 9, cấp 10 và dễ bị sạt lở đê; nhà ở của dân bán kiên cố và không an toàn chiếm tỷ lệ còn cao, đặc biệt có hơn 80% nhà ở của hộ dân ở xóm 1, 2, 3, 4 chủ yếu là nhà bán kiên cố, vùng trũng thấp, tiếp giáp với đê sông Sò nguy cơ về an toàn; thông tin cảnh báo sớm, kiến thức, kinh nghiệm, điều kiện, phương tiện về phòng ngừa ứng phó thiên tai của lực lượng tìm kiếm cứu hộ cứu nạn và người dân còn hạn chế.

Vấn đề 2: Người dân lo lắng nghề trồng lúa, trồng màu thu nhập thấp không đảm bảo đời sống, do thời tiết cực đoan thất thường sâu bệnh cây trồng, phân bón, thuốc trừ sâu kém chất lượng; chưa có hệ thống tưới tiêu riêng cho cây trồng, thường bị ảnh hưởng làm tăng nhiễm mặn đất trồng lúa và trồng màu do nguồn nước thải từ ao, đầm nuôi tôm bán công nghiệp; giá cả vật tư cho sản xuất cao, giá nông sản thấp; chưa quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, thiếu mô hình trình diễn áp dụng khoa học kỹ thuật sản xuất lúa và màu giảm chi phí, tăng sản lượng, tạo thêm thu nhập cho nghề trồng lúa và làm màu vụ đông trên đất hai lúa.

Vấn đề 3: Chăn nuôi gia súc, xu hướng giảm dần về qui mô và số lượng do đối mặt với dịch bệnh, giá cả bấp bênh, ảnh hưởng thu nhập, chịu rủi ro do chết vật nuôi, thua lỗ.

Vấn đề 4: Nuôi trồng thủy hải sản ao đầm nước lợ, nước ngọt, nuôi tôm bán công nghiệp của người dân có mức thu nhập cao, nhưng đối mặt với rủi ro do bão, lụt, ô nhiễm môi trường, chết tôm, cá, ảnh hưởng thu nhập, mất vốn.

Vấn đề 5: Tình trạng ô nhiễm môi trường, nước dùng cho ăn uống và sinh hoạt nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe, bệnh tật xảy ra đối với người dân.

Dựa vào ý kiến người dân, trong báo cáo này Nhóm đánh giá đề xuất các giải pháp để Chính quyền địa phương và người dân tại xã cùng xem xét giải quyết những khó khăn, thách thức mà địa phương đang phải đối mặt. Để giải quyết được các nhóm vấn đề này cần có sự đồng thuận, sự phối hợp hành động thiết thực, đồng bộ của Chính quyền địa phương cũng như người dân và sự hỗ trợ từ cấp trên, từ các chương trình dự án.

Báo cáo VCA đã được thông qua tại cuộc họp các ban, ngành xã Hải Phúc ngày 08 tháng 8 năm 2014 và được Chính quyền xã thống nhất với những kết luận mà Nhóm đánh giá đã đưa ra sau thời gian làm việc tại địa phương.

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ, VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

1. Khái niệm đánh giá VCA

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó (tên tiếng Anh Vulnerability and Capacity Assessment, viết tắt là VCA) gồm 1 quá trình thu thập và phân tích thông tin về các hiểm họa mà người dân ở địa phương phải đối mặt, mức độ khác nhau của tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với các hiểm họa xảy ra đơn lẻ hoặc đồng thời, và khả năng phục hồi sau đó.

Mục đích chính của VCA là cho phép cộng đồng xác định và hiểu rõ tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó của họ và các hiểm họa mà họ phải đối mặt. Việc này giúp xác định các ưu tiên ở địa phương để giảm tình trạng dễ bị tổn thương quanh họ và phát triển năng lực của cộng đồng.

2. Các thuật ngữ sử dụng trong VCA

Tình trạng dễ bị tổn thương (viết tắt là *TTDBTT*): Là phạm vi một cá nhân, cộng đồng, cơ cấu, hoạt động dịch vụ hoặc một vùng địa lý dễ bị thiệt hại hoặc gián đoạn do tác động của một hiểm họa cụ thể. Đơn giản hơn đó là những đặc điểm yếu, thiếu, kém, không an toàn sẽ làm tăng mức độ thiệt hại của cá nhân, cộng đồng khi xảy ra hiểm họa.

Khả năng (viết tắt là *KN*): Là các nguồn lực và kỹ năng mà người dân sở hữu, có thể phát triển, huy động hoặc tiếp cận nhằm cho phép họ ứng phó, chống chịu với những hiểm họa có thể xảy ra. Khả năng có thể là tài sản vật chất, là các kỹ năng của cá nhân, cộng đồng hoặc các hệ thống phúc lợi quốc gia.

Hiểm họa (viết tắt là *HH*): Là hiện tượng tự nhiên hoặc do con người có thể gây thiệt hại về vật chất, mất mát về kinh tế, hoạt động đe dọa cuộc sống và chất lượng cuộc sống của con người nếu nó xảy ra.

Rủi ro (viết tắt là *RR*): Là những mất mát tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, sinh kế, tài sản và dịch vụ mà có thể xảy ra đối với một cộng đồng hoặc xã hội trong một khoảng thời gian xác định trong tương lai.

Thảm họa: Là một sự gián đoạn nghiêm trọng sự vận hành chức năng của một xã hội, gây ra mất mát lớn về người, vật chất và môi trường, vượt quá khả năng chống chịu bằng nội lực của cộng đồng bị tác động.

SWOT: Là từ viết tắt tiếng Anh xuất phát từ 4 chữ (strengths, weaknesses, opportunities, threats), có nghĩa là (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức). Đây là phương pháp phân tích một vấn đề dựa trên 4 khía cạnh nhằm tìm ra những điểm mạnh cũng như điểm yếu hiện tại và trong tương lai mà cộng đồng có thể sử dụng để đối mặt với vấn đề đó.

Biến đổi khí hậu (viết tắt là *BĐKH*): Là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định từ tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm. Sự biến đổi có thể là thay đổi thời tiết bình quân hay thay đổi sự phân bố các sự kiện thời tiết quanh một mức trung bình. Sự biến đổi khí hậu có thể giới hạn trong một vùng nhất định hay có thể xuất hiện trên toàn địa cầu.

3. Quy trình thực hiện VCA

Hoạt động đánh giá VCA được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong 5 ngày. Nhóm đánh giá VCA bao gồm 6 hướng dẫn viên được đào tạo, các cán bộ hỗ trợ kỹ thuật và cán bộ hỗ trợ hậu cần. Năm bước tiến hành VCA gồm có:

- Bước 1: Chuẩn bị và lập kế hoạch đánh giá VCA
- Bước 2: Thu thập thông tin bằng cách sử dụng các công cụ trong VCA
- Bước 3: Phân tích và kiểm chứng các thông tin thu được từ cộng đồng
- Bước 4: Lập kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro
- Bước 5: Báo cáo và giám sát hỗ trợ việc thực hiện

4. Kết quả mong đợi của đánh giá VCA

Huy động sự tham gia của lãnh đạo Chính quyền xã, người dân tại các xóm 427 người. Thông qua các cuộc họp phỏng vấn, làm việc nhóm để nâng cao năng lực của cộng đồng dân cư.

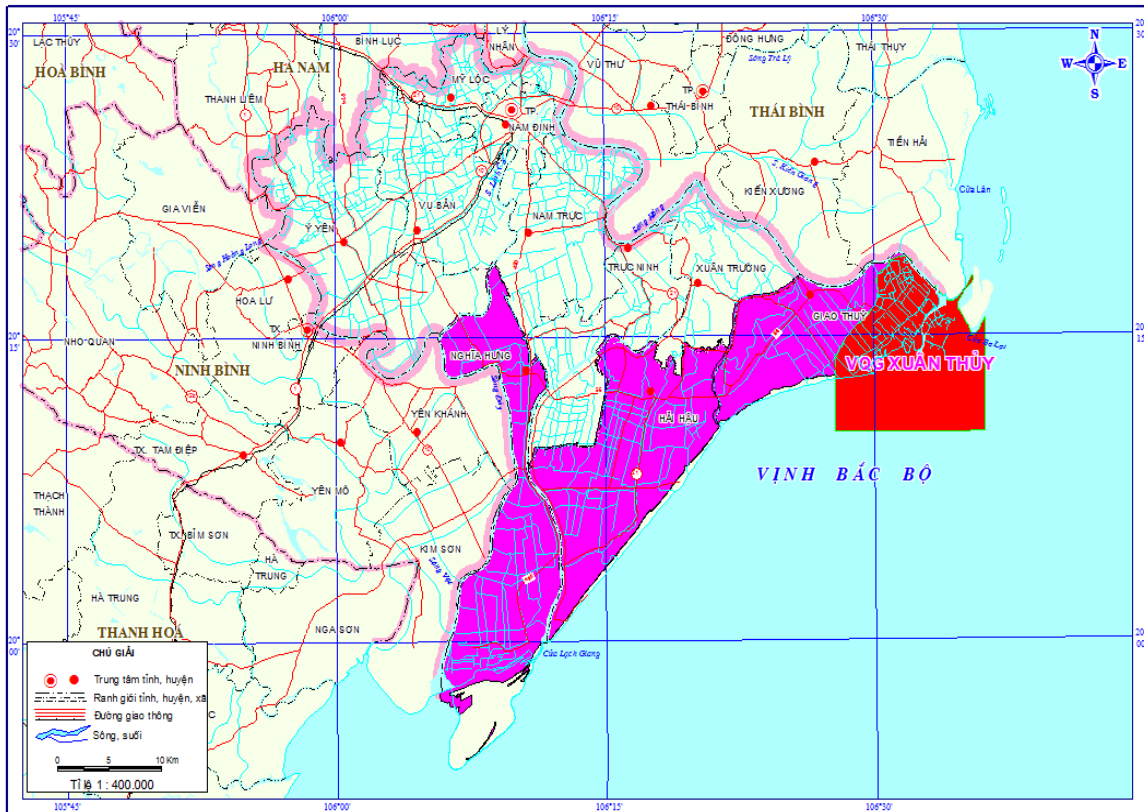
Kết thúc 5 ngày Nhóm đánh giá VCA đã thu được bản phác thảo kết quả báo cáo VCA.

Cam kết của Chính quyền cấp xã, huyện về việc sử dụng kết quả báo cáo VCA vào các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và phòng chống thiên tai của địa phương.

1. Các thông tin cơ bản về xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu

1.1.1. Tỉnh Nam Định



Bảng 1. Bản đồ tỉnh Nam Định

Nam Định là một tỉnh ven biển phía Đông Nam đồng bằng châu thổ Sông Hồng, tọa độ địa lý từ 19 độ 55 phút đến 20 độ 16 phút vĩ độ bắc và 106 độ đến 106 độ 33 phút kinh độ đông. Phía Đông giáp tỉnh Thái Bình, phía Tây giáp tỉnh Ninh Bình, phía Nam và Đông Nam giáp biển Đông, phía Bắc giáp tỉnh Hà Nam. Nam Định nằm trong vùng ảnh hưởng của khu vực tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cách thủ đô Hà Nội 90 km, cách cảng Hải Phòng 100 km, đó là các trọng điểm kinh tế lớn trong giao lưu, tiêu thụ hàng hóa, trao đổi kỹ thuật, công nghệ, thông tin và kinh nghiệm quản lý kinh doanh.

Các đặc điểm khí hậu cơ bản

Cũng như các tỉnh trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, Nam Định mang khí hậu chí tuyến gió mùa ẩm, có thời tiết bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình trong năm từ 23 - 28°C. Tháng lạnh nhất là các tháng 12 và tháng 1, với nhiệt độ trung bình từ 16 - 17°C. Nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ khoảng trên 29°C. Lượng mưa trung bình trong năm từ 1.750 - 1.800 mm, chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa ít mưa từ tháng 11 đến tháng

2 năm sau. Số giờ nắng trong năm: 1.650 - 1.700 giờ. Độ ẩm trung bình: 80 - 85%. Mặt khác, do nằm trong vùng vịnh Bắc Bộ nên hằng năm Nam Định thường chịu ảnh hưởng của bão hoặc áp thấp nhiệt đới, bình quân từ 4 - 6 cơn/năm. Thủy triều tại vùng biển Nam Định thuộc loại nhật triều, biên độ triều trung bình từ 1,6 - 1,7 m; lớn nhất là 3,31 m và nhỏ nhất là 0,11 m.

1.1.2. Xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

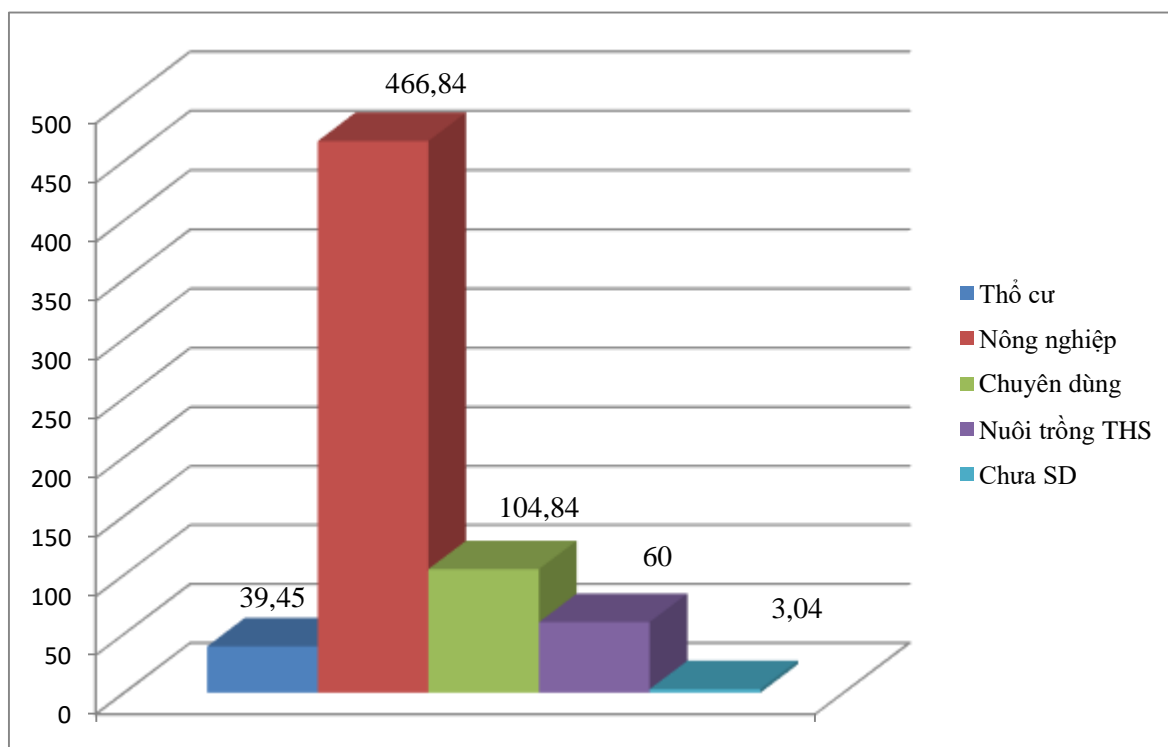


Bảng 2. Bản đồ hình chính xã Hải Phúc

Hải Phúc là xã đồng bằng ven biển nằm phía Đông Nam huyện Hải Hậu, cách trung tâm huyện 5 km. Phía Bắc giáp xã Hải Nam, phía Tây giáp xã Hải Hà, phía Đông giáp sông Sò, tiếp giáp với thị trấn Quất Lâm và huyện Giao Thủy, phía Nam giáp với xã Hải Lộc. Xã Hải Phúc có những đặc điểm thời tiết khí hậu tương đồng so với thời tiết chung của tỉnh Nam Định.

1.2. Tài nguyên thiên nhiên

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã 674,18 ha, trong đó: đất thổ cư 39,45 ha; đất nông nghiệp: 466,84 ha; đất nuôi trồng thủy sản 60 ha; đất chưa sử dụng: 3,04 ha; đất chuyên dùng (giao thông, thủy lợi, nghĩa địa...): 104,85 ha.



Bảng 3. Biểu đồ diện tích sử dụng đất, đơn vị tính ha

Nước sạch nhân dân sử dụng chủ yếu là nước giếng khoan và nước mưa để ăn uống và sinh hoạt. Toàn xã hiện có 1.966/2.120 hộ có giếng khoan, chiếm 92,7%; có 1.449/2.120 hộ sử dụng bể dự trữ nước mưa, chiếm 68,3%; có 154/2.660 hộ không có giếng khoan, sử dụng chung với các hộ khác, chiếm tỷ lệ 7,3%.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển

Xã Hải Phúc từ xưa là vùng bãi bồi ở phía Tây cửa sông Hà Lạn. Qua nhiều thời đại từ thế kỷ 15 đến trước năm 1952, do sát nhập, chia tách, xã có nhiều tên gọi khác nhau. Năm 1952 là xã Hưng Đạo đổi tên thành xã Hải Hà. Tháng 9 năm 1956, xã Hải Hà chia thành 3 xã theo địa dư của 3 thôn sau khi cắt khu Tượng Nghĩa về xã Hải Nam, thôn Đông lập thành xã mới lấy tên là xã Hải Phúc cho tới nay xã có 15 xóm với tên gọi xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15. Xã có 2 Hợp tác xã nông nghiệp: HTX Hưng Đạo gồm các xóm 1 đến xóm 8; HTX Phong Phú gồm các xóm 9 đến 15.

1.4. Cơ sở hạ tầng

Xã Hải Hải Phúc được thực hiện chương trình nông thôn mới từ năm 2011 đạt 10/19 tiêu chí, đến năm 2013 xã đạt 19/19 tiêu chí và được công nhận xã đạt chuẩn quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nên cơ sở hạ tầng được huy động nhiều nguồn lực để xây dựng khá tốt:

Về giao thông có 2,7 km đường Quốc lộ 37B được rải nhựa, 23 km đường liên xóm bê tông hóa. Đến cuối năm 2013 đã xây dựng 5/10 km đường nội đồng

phục vụ sản xuất giá trị 7,4 tỷ đồng, trong đó dân đóng góp 3,9 tỷ chiếm 60% tổng kinh phí đầu tư. Nổi bật trong năm 2013, xã thực hiện dự án kè sông 11D, dự án đường cứu hộ cứu nạn hơn 1 km thuộc khu vực xóm 1 và triển khai xây dựng cầu qua sông tiêu Hà Lạn, sông Cường Thịnh, xây mới 4 cầu và cải tạo nâng cấp 8 mặt cầu từ nguồn kinh phí nhân dân (xã chỉ hỗ trợ 1 phần) đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân.

Thủy lợi của xã có 36 km kênh mương cấp 2, 3 và với 30 sông dài 35 km thuận lợi cho việc tưới tiêu, phát triển dân sinh. Đối với kênh mương nội đồng của xã chỉ dài chừng 1 km, nhưng thường bị bèo cản, rác thải, hằng năm nhân dân đóng góp công và kinh phí với mức 30 kg thóc/mẫu ruộng để nạo vét phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản.

Xã có 3,820 km đê biển, đê sông Sò, cụ thể: 320 m đê biển được cứng hóa mặt và mái đê chịu được gió bão cấp 9, 10; 1/35 km đê sông từ cầu Hà Lạn đến cống Phúc Hải được kè mặt đê.

Hệ thống điện lưới xã khép kín địa bàn khu dân cư, 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia. Năm 2013 điện lưới xã đã được lắp đặt thêm 2 trạm biến áp, nâng từ 3 lên 5 trạm cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

Cơ sở trường học Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở cơ bản được xây dựng nhà tầng kiên cố. Trường Mầm non có 2 khu vực với 10 phòng học kiên cố (khu A ở xóm 6, khu B ở xóm 12); Trường Tiểu có 12 phòng học; Trường Trung học cơ sở có 27 phòng học và phòng chức năng.

Hải Phúc có 1 chợ Hà Lạn được xây dựng cơ bản từ năm 2009 với diện tích rộng rãi, có mái che, khu vực vệ sinh tự hoại khép kín thuận lợi cho buôn bán phục vụ đời sống dân sinh trong xã.

Trụ sở xã Hải Phúc được xây dựng cao tầng kiên cố từ năm 2010 nằm trên trục Quốc lộ 37B, trung tâm thuận lợi cho Công dân. Đến nay, xã có 15/15 xóm đều được xây dựng nhà văn hóa từ nguồn kinh phí chủ yếu của nhân dân đóng góp (xã, huyện hỗ trợ 18% tổng kinh phí đầu tư), giá trị mỗi nhà văn hóa hiện nay từ 300 đến 400 triệu, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng.

Trạm y tế xã được xây dựng mái bằng, kiên cố từ năm 2007, có 10 phòng chức năng, phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 vào năm 2012.

Hộ dân có nhà ở kiên cố chiếm 69,5%, nhà bán kiên cố chiếm 27,2%. Có 100% hộ dân sử dụng nước sạch từ giếng khoan và có 73,7% hộ dân có bể dự trữ nước mưa để dùng cho ăn, uống. Có 1.765 hộ có nhà vệ sinh tự hoại chiếm 89,7%.

Trên địa bàn xã có 4 cơ sở thờ tự tôn giáo, gồm 2 nhà thờ họ lẻ và 2 chùa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân.

1.5. Dân cư

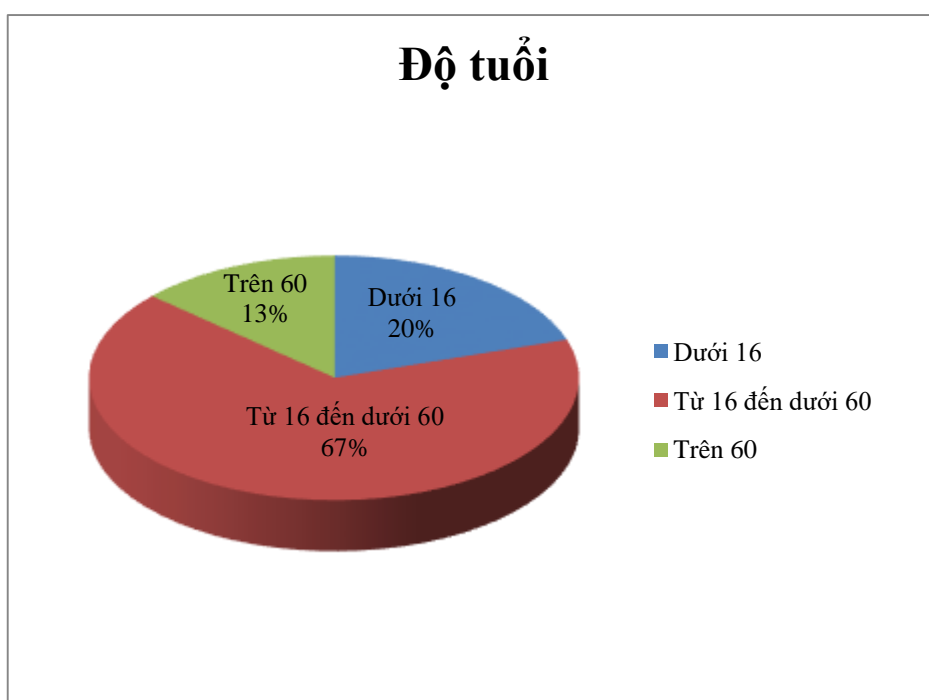
- Dân cư xã Hải Phúc được phân bổ 15 xóm, đến ngày 31/12/2013: 2.120 hộ với 6.974 nhân khẩu.

- Cơ cấu độ tuổi, trẻ em dưới 16 tuổi: 1.390 người (nữ 637, chiếm 45%); từ 16 tuổi đến dưới 60: 4.653 người; trên 60 tuổi: 931 người (80 tuổi trở lên có 178); người khuyết tật: 126 người.

- Tỷ lệ hộ nghèo: 2,93% (60 hộ, 248 khẩu); Tỷ lệ hộ cận nghèo: 9,14% (178 hộ, 556 khẩu);

- Dân tộc: chủ yếu dân tộc Kinh.

- Tôn giáo: có 1.137 người theo đạo Thiên Chúa giáo chiếm 16,3%; 5.637 người tín ngưỡng Phật giáo chiếm 80,8% (có gần 1.000 người theo đạo có qui y và thường xuyên đi chùa, chiếm 14,3%).



Bảng 4. Biểu đồ độ tuổi lao động

Với tỷ lệ nam nữ nêu trên cho thấy hiện tại có sự chênh lệch về giới trong xã. Nếu không có giải pháp tích cực trong công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch, gắn với nâng cao nhận thức về bình đẳng giới thì trong tương lai 10, 20 năm tới sẽ có sự chênh lệch về nam cao hơn nữ càng nhiều. Vì vậy, giới cũng là một trong những vấn đề cần quan tâm trong xã.

Với tỷ lệ người dân theo Thiên Chúa giáo không nhiều, tín đồ đi Chùa thường xuyên ít nhưng số người tín ngưỡng, tôn kính đức Phật chiếm số đông nên trong việc thực hiện chính sách xã hội, chính sách đại đoàn kết dân tộc cần chú ý

gắn với việc thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Nhà nước, tạo cơ hội cho việc thực hiện đoàn kết Lương - Giáo, đảm bảo chính sách “Tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng tôn giáo”, thực hiện bình đẳng các nghĩa vụ và lợi ích cộng đồng đối với người có đạo và người không có đạo trong việc nâng cao nhận thức, huy động nguồn lực xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai, giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Với tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật của xã rất cao, theo qui định của luật phòng chống thiên tai các đối tượng dễ bị tổn thương cần được quan tâm của gia đình và cộng đồng trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; cần có sự tham gia và có biện pháp chăm sóc, bảo vệ, giúp đỡ việc đi lại, sơ tán trong phòng ngừa ứng phó thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, thiết thực giảm thiểu nguy cơ rủi ro thiên tai đối với họ.

1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội

Xã Hải Phúc có tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể - Tổ chức xã hội từ xã đến 15 xóm hoạt động hiệu quả. Xã có 22 chức danh định biên chuyên trách. Về trình độ cán bộ có 8 đại học, 2 cao đẳng, 12 trung cấp. Cán bộ ngoài định biên từ xã đến các xóm có 40 người. Ban Chấp hành Đảng bộ xã có 19 người, có 20 Chi bộ với 317 đảng viên. Lãnh đạo UBND xã gồm có 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và các cán bộ công chức định biên theo các lĩnh vực chuyên môn. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội Khuyến học... tập hợp và động viên đoàn viên, hội viên và nhân dân đoàn kết thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh. Các tổ chức đoàn thể đều có Cán bộ lãnh đạo tham gia Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn của xã, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về các giải pháp giảm nhẹ rủi ro, xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai. Mặt trận và các đoàn thể của xã đã tổ chức nhiều cuộc vận động, phong trào vì người nghèo. Quỹ vì người nghèo của Mặt trận trong các năm qua đã giúp đỡ 12 hộ nghèo làm nhà đại đoàn kết - xóa nhà tạm, củng cố chỗ ở an toàn trước thiên tai, giá trị 240 triệu. Hội Cựu chiến binh vận động xây dựng quỹ tình nghĩa giúp hội viên nghèo, năm 2013 đã giúp 1 đối tượng đồng đội làm nhà ở an toàn, giá trị 75 triệu đồng. Mặt trận và các tổ chức đoàn thể còn vận động nhân dân nâng cao nhận thức về phòng ngừa ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; vận động giúp đỡ sơ tán dân khi có thiên tai, thực hiện tốt công tác hậu cần cho người dân có nơi trú ẩn an toàn và lực lượng cứu hộ cứu nạn, ứng trực các điểm xung yếu khi có thiên tai; vận động tình làng nghĩa xóm, đùm bọc giúp nhau về lương thực, thực

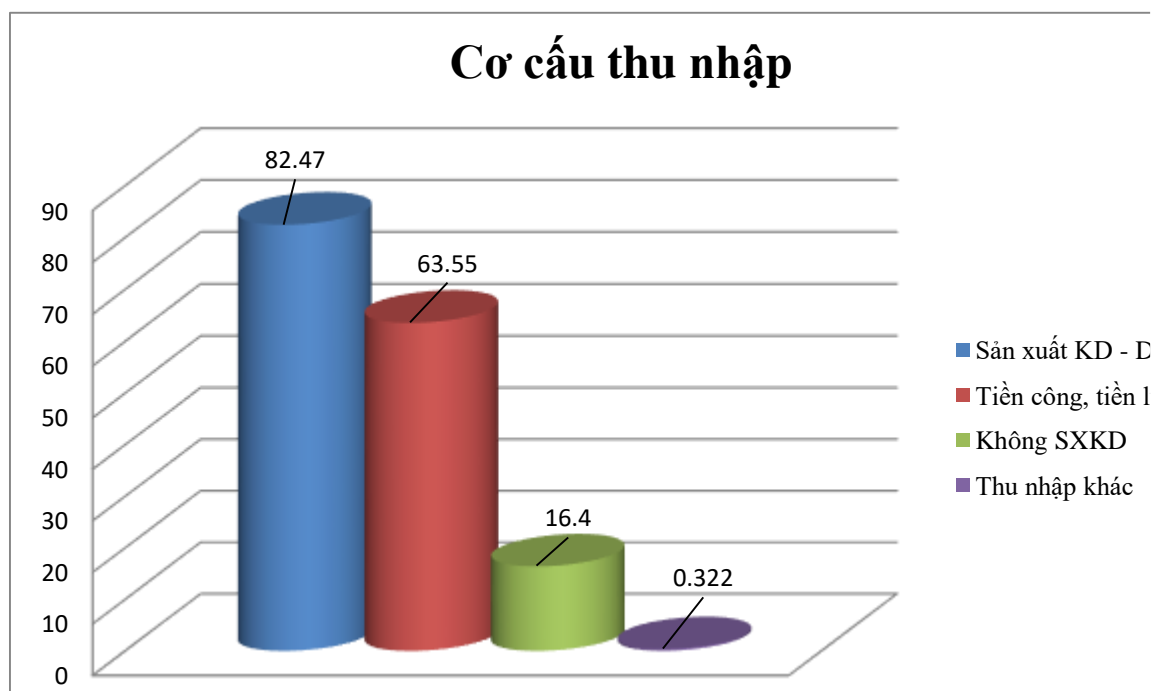
phẩm, nước uống cho người bị hoạn nạn, không để người dân bị dịch bệnh, đói, rét do thiên tai.

Hội Chữ thập đỏ xã thành lập năm 1987, được củng cố kiện toàn, đến nay có 15 người tham gia Ban Chấp hành, 5 người tham gia Ban Thường vụ. Toàn xã có 18 Chi Hội với 550 hội viên; 1 Đội Thanh niên xung kích Chữ thập đỏ với 25 Tình nguyện viên. Hội Chữ thập đỏ xã tích cực làm nòng cốt trong các hoạt động nhân đạo từ thiện góp phần giải quyết an sinh xã hội, tích cực các hoạt động phòng ngừa ứng phó thiên tai, hiến máu nhân đạo, tổ chức nhiều cuộc vận động giúp các đối tượng dễ bị tổn thương có hiệu quả như: vận động giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, mỗi năm giá trị 4 triệu đồng; giúp đỡ hộ nghèo, người khuyết tật nghèo gặp khó khăn khám chữa bệnh, cải thiện đời sống mỗi năm giá trị 5 triệu đồng; vận động giúp đỡ các trường hợp đau ốm, tai nạn qua đời với sự chia sẻ đóng góp tình làng nghĩa xóm, tính từ 3 năm trở lại đây đã giúp 5 trường hợp, mức hỗ trợ mỗi đối tượng từ 23 đến 68 triệu đồng.

1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

1.7.1. Kinh tế

Cơ cấu kinh tế của xã so trước với hiện nay đã chuyển dịch có hiệu quả. Trước đây, sinh kế của người dân chủ yếu là trồng lúa, chăn nuôi, đánh bắt hải sản ven sông, lao động độc canh cây lúa, thu nhập thấp và lao động thiếu việc làm. Hiện nay cơ cấu kinh tế của xã đã đa dạng ngành nghề: trồng lúa, trồng màu xen vụ đông trên đất hai lúa, chăn nuôi, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và có số đông lao động từ 700 đến 800 người (nam 70%) đi làm ăn xa. Tổng thu nhập của xã năm 2013 là 162,7452 tỷ. Trong đó sản xuất kinh doanh bao gồm trồng lúa, trồng màu, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, đạt 82,8470 tỷ đồng chiếm 50,9%; lao động thu nhập tiền công, tiền lương 63,5512 tỷ chiếm 39,04%; thu nhập không kinh doanh 16,4014 tỷ chiếm 10,09%; thu nhập khác 322 triệu đồng chiếm 1,9%. Xã Hải Phúc đã thay đổi diện mạo từ một xã nghèo trước đây đã vươn lên thành một xã có đời sống vật chất và tinh thần khá so với các xã trong huyện Hải Hậu.



Bảng 5. Biểu đồ cơ cấu thu nhập

Qua biểu đồ cơ cấu thu nhập cho thấy thu nhập của xã từ sản xuất kinh doanh đa dạng tại địa phương chiếm 50,9% và thu nhập từ lao động ngoài địa phương cùng với tiền lương chiếm 39,4%, là hai nguồn thu nhập cơ bản của tổng thu nhập, góp phần trang trải chủ yếu cuộc sống kinh tế gia đình. Các nguồn thu nhập còn lại như thu nhập khác, thu nhập không từ sản xuất kinh doanh (cho, tặng, biếu...) là thu nhập không bền vững nên trong tương lai cần tạo nguồn thu nhập ổn định hơn, đặc biệt chú trọng vào nguồn thu nhập sản xuất, kinh doanh đa dạng ngành nghề, loại hình sản xuất và bảo vệ sản xuất, phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu như tạo mô hình sản xuất cây trồng, vật nuôi bền vững, ít dịch bệnh, năng suất cao, chất lượng sản phẩm tiêu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại tốt hơn, linh động, hiệu quả hơn. Về lao động ở các lĩnh vực ngành nghề cho thấy nam giới tham gia ở nhiều lĩnh vực, có khả năng lao động các lĩnh vực sản xuất đầu tư vốn lớn, lao động trên sông nước, lao động xa ngoài địa phương và tạo thu nhập nhiều hơn cho gia đình. Phụ nữ có vai trò sản xuất, tạo thu nhập, nhưng mức thu nhập thấp, có khả năng lao động tại địa phương, vừa có vai trò tái sản xuất như đảm đương việc nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng. Do vậy, phụ nữ thực hiện các biện pháp an toàn hộ gia đình, an toàn cộng đồng khi có thiên tai tốt hơn nam giới. Bởi phụ nữ thể hiện vai trò trụ cột trong gia đình nên đối mặt với thiên tai nhiều hơn nam giới, do đó sẽ có nhiều rủi ro thiên tai hơn.

Theo sự thay đổi về sử dụng đất nên xã có sự phân bổ lại lao động ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau khá lớn so với trước đây:

- Nghề trồng lúa 466,84 ha/2 vụ (vụ mùa và vụ chiêm xuân) có 1.696/2.120 hộ tham gia chiếm 80% số hộ trong xã (lao động nữ chiếm 70%), trồng lúa cung cấp lương thực địa phương và góp phần an ninh lương thực cho khu vực. Theo báo cáo số 28/BC-UBND ngày 05/11/2013 về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội năm 2013 của UBND xã Hải Phúc, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 4.800 tấn, năng suất bình quân cả năm đạt 113 tạ/ha. Trong đó vụ chiêm xuân đạt 72,4 tạ/ha, vụ mùa đạt 40,1 tạ/ha. Xã chỉ đạo thí điểm gieo sạ 2 vụ lúa tiết kiệm chi phí công lao động. Diện tích trồng cây vụ đông dưới chân ruộng 2 lúa ở 46 ha như khoai lang, khoai tây, ngô, rau, đậu, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, giải quyết lao động nông nhàn có việc làm, thu hút lao động ngoài độ tuổi như người già, trẻ em tham gia lao động nhẹ, góp phần phát triển kinh tế hộ.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm khắc phục khó khăn về giá cả, dịch bệnh, duy trì, đến nay tổng đàn gia súc, gia cầm của xã có hơn 39.000 con (80 con trâu, bò, 600 con lợn, hơn 38.000 con gà, vịt). Tuy vậy, tình hình chăn nuôi giảm sút, trước đây có 14, 15 gia trại chăn nuôi lợn, mỗi gia trại từ 50 đến 100, nay còn 2 gia trại; chăn nuôi gia súc gia cầm cũng có xu hướng giảm mạnh, hiện có từ 5 đến 6 gia trại gà, vịt, mỗi gia trại từ 200 con trở lên, số còn lại chăn nuôi ít theo hộ gia đình.

- Nuôi trồng thủy hải sản có 36 hộ nuôi 18 ha cá truyền thống nước lợ và nước ngọt, 40 hộ nuôi 42 ha tôm bán công nghiệp tạo công ăn việc làm cho hơn 300 lao động. Thu nhập lãi bình quân nuôi tôm khoảng 1 tỷ đồng/ha/năm; nuôi cá khoảng 300 triệu đồng/ha/năm.

- Đánh bắt hải sản có 50 thuyền nhỏ với 50 lao động thường xuyên tham gia đánh bắt ven sông, thu nhập bình quân từ 200.000 - 300.000 đồng/người/ngày.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại của xã phát triển không nhiều, hiện có trên 50 cơ sở như may mặc (có 3 cơ sở lớn nhỏ), hàn xì, dịch vụ hàng hóa sản xuất, dịch vụ vận tải, tiêu dùng cùng với lao động mộc, nề ngoài địa phương giải quyết hơn 1.000 lao động có việc làm thường xuyên. Trong đó lao động làm ăn xa có từ 700, 800 người tham gia (nam chiếm 70%), thu nhập bình quân từ 3,5 đến 5 triệu/người/tháng đối với lao động nữ; từ 5 đến 6 triệu/người/tháng đối với nam.

Nhìn chung phát triển kinh tế của xã đã có những chuyển biến tích cực, đa ngành nghề, nhưng luôn bị tác động của thời tiết, khí hậu. Qua phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ dân (đại diện hộ phỏng vấn: nam 17, nữ 3, trong đó có 4 hộ nghèo, 5 hộ cận nghèo, 9 hộ trung bình và 2 hộ khá); có 20 ý kiến lo sợ rủi ro làm giảm sản lượng mất mùa, 13 ý kiến lo sợ chết cây trồng, 13 ý kiến chết vật nuôi và 4 ý kiến lo sợ mất đất sản xuất.

1.7.2. Xã hội

Văn hóa xã hội của xã có nhiều chuyển biến tích cực, tập trung đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Thực hiện chính sách tín ngưỡng tôn giáo, thực hiện các tiêu chí nông thôn mới gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Trong năm 2013, xã được công nhận đạt bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; có 85% hộ gia đình được công nhận là gia đình nông thôn mới; 8 xóm đăng ký đạt tiêu chuẩn văn hóa cấp huyện, xã. Công tác y tế, dân số, gia đình, trẻ em thực hiện đạt được những kết quả: tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 13%, đến nay có 3.943 người tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, đạt 71%. Công tác giáo dục, đào tạo có những tiến bộ, đảm bảo chất lượng dạy và học, các trường học, cấp học đều đạt chuẩn Quốc gia, 100% học sinh tiểu học thi đỗ chuyên cấp (trong đó vào trường công lập chiếm 92%); trường Mầm non nâng cao chất lượng học tập, giúp trẻ có điều kiện học tập tốt hơn; trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở đạt danh hiệu trường tiên tiến. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, đảm bảo các chế độ chính sách cho các đối tượng hưởng chính sách như: cán bộ hưu trí, người già, người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam... hỗ trợ hộ nghèo kịp thời, đảm bảo cuộc sống và được giúp đỡ an toàn trước thiên tai.

2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức theo 5 hợp phần

2.1. Sinh kế

Sinh kế của xã đa dạng ngành nghề: trồng lúa, trồng màu, chăn nuôi, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại và lao động đi làm ăn xa tạo điều kiện tăng thu nhập từ nhiều nguồn cải thiện đời sống khá hơn trước.

- Nghề trồng lúa sản xuất 2 vụ trong năm đảm bảo lương thực cung cấp cho địa phương. Số hộ trồng lúa chiếm 80%, thu hút 70% lao động nữ. Hệ thống kênh mương đảm bảo để phục vụ cho sản xuất, có 2 trạm bơm để cung cấp nước tưới. Phương tiện sản xuất lúa đã được cơ giới hóa (27 máy cày lớn, nhỏ, 5 máy gặt, 12 máy tuốt lúa) phục vụ sản xuất. Dịch vụ cho vay vốn nhiều hơn như Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội cho người dân vay 15 tỷ đồng để đầu tư sản xuất, dịch vụ, trong đó có vốn vay đầu tư trồng lúa, chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh làm chủ dự án vay vốn cho hội viên, đoàn viên, mỗi tổ chức hơn 2 tỷ đồng. Hội Nông dân xã còn xây dựng được quỹ hỗ trợ Nông dân nghèo 40 triệu đồng. Hội Phụ nữ vận động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế giảm nghèo bền vững, kết quả trong 2 năm (2012 và 2013) đã giúp 395 phụ nữ nghèo, 97 phụ nữ chủ hộ nghèo phát triển kinh tế thoát nghèo. Ở địa phương có 2 Hợp tác xã và 9 cơ sở tư nhân cung cấp giống lúa, vật tư phục vụ cho sản xuất (trong đó có 6 cơ sở

dịch vụ cung cấp phân bón và 3 cơ sở thuốc trừ sâu). Xã có 1 cơ sở thu mua lúa để cung cấp cho các tỉnh trong nước. Có tổ nhóm đôi công cho nhau khi gặt và cấy lúa. Người dân được tập huấn kỹ thuật trồng lúa, thực hiện gieo sạ lúa 2 vụ thay cấy, giảm chi phí nhân công và đưa các giống lúa mới như lúa Tạp Giao, BC15, Tám cho chất lượng và năng suất cao. Trồng màu vụ đông trên đất 2 lúa ngày càng nhiều diện tích hơn và đa dạng giống cây trồng với khoảng 46 ha, lao động nam, nữ có thêm việc làm. Người dân các xóm 1, 2, 3 trồng nhiều nhất và trồng chủ yếu là các loại rau, dưa, cà chua thu nhập khoảng 400.000đ/hộ/năm.

- Chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan được người dân tích cực duy trì, sản phẩm cung cấp cho địa phương, toàn xã có khoảng 70% số hộ kết hợp trồng lúa, chăn nuôi kết hợp tạo việc làm tăng thu nhập và tạo ra nguồn phân bón lót cây trồng. Xã có cán bộ thú y, có 2 cơ sở dịch vụ cung cấp thức ăn và thuốc chữa bệnh cho vật nuôi.

- Nuôi trồng thủy hải sản của xã chủ yếu là người dân ở các xóm 1, 2, 3, 4, 5 được duy trì và phát triển nuôi cá nước ngọt và nuôi tôm bán công nghiệp, được ngân hàng tạo điều kiện cho vay vốn đầu tư và nuôi trồng trong các năm qua hiệu quả, giải quyết hàng trăm lao động có việc làm và tạo thu nhập cao (nuôi tôm bán công nghiệp lãi khoảng 1 tỷ đồng/ha/năm; nuôi cá lãi bình quân khoảng 300 triệu đồng/ha/năm). Nghề nuôi trồng thủy hải sản đã được áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hàng năm các hộ nuôi trồng được tập huấn kiến thức về chăm sóc con giống, tránh dịch bệnh để đạt sản lượng.

- Đánh bắt thủy hải có 50 hộ gia đình, với 50 thuyền nhỏ, chủ yếu đánh bắt ven sông; lao động đánh bắt là nam giới có kinh nghiệm trong nghề đánh bắt, thường xuyên theo dõi, nắm bắt thông tin thời tiết và thu nhập đánh bắt không đều nhưng có mức thu khá (từ 200.000 đến 300.000 đồng/ngày, đặc biệt có những ngày thu nhập lên tới 1 triệu đồng).

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ của xã có trên 50 cơ sở với nhiều ngành nghề khác nhau như mộc, nề, may, hàn, dịch vụ cung ứng vật tư sản xuất, chăn nuôi... tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Có khoảng 800 lao động ngoài địa phương chủ yếu là nam làm nghề thợ xây, thợ mộc và ngành nghề khác, thu nhập tương đối ổn định. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại trên địa bàn xã an toàn trước thiên tai hơn các ngành nghề khác và góp phần đáng kể vào cơ cấu thu nhập của xã.

Nhìn chung sinh kế của người dân trong xã có những điểm mạnh và cũng không ít cơ hội phát triển, tăng thu nhập. Tuy nhiên, người dân còn nhiều hạn chế về kiến thức khoa học kỹ thuật, tình trạng ô nhiễm môi trường, dịch bệnh nuôi trồng thủy hải sản và ảnh hưởng sản xuất nông nghiệp thường ngập úng và nhiễm mặn. Xã chưa có hệ thống thủy lợi riêng cho sản xuất lúa, màu và nuôi trồng thủy

hải sản nên tác động ảnh hưởng đến môi trường sản xuất và nuôi trồng như nước thải nuôi tôm bán công nghiệp gây nhiễm mặn ruộng lúa; nước tiêu úng sản xuất lúa gây ô nhiễm ao, đầm nuôi trồng thủy hải sản, phát sinh dịch bệnh tôm, cá. Các ngành nghề sinh kế nói trên đều phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thiếu ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, nhất là thiệt hại về mùa màng thường xảy ra do ngập úng và nhiễm mặn khoảng 30% (khoảng 140 ha) diện tích ruộng lúa. Đường nội đồng mới được bê tông hóa chiếm 50%, nên việc đi lại sản xuất của phương tiện cơ giới còn khó khăn. Sản xuất nông nghiệp chưa có mô hình cánh đồng mẫu lớn để rút kinh nghiệm cho việc giảm chi phí đầu tư trồng lúa, sản xuất lúa có lãi. Lao động còn mỏng chưa cân bằng giữa nam và nữ, trong đó lao động nữ tham gia hầu hết ở tất cả các lĩnh vực ngành nghề tại địa phương, bao gồm cả lao động nặng nhọc, và lao động có môi trường độc hại (do phải gánh vác cho một bộ phận lao động nam đi làm ăn xa), thường bị say nắng, nhiễm độc thuốc trừ sâu, tai nạn thương tích. Chi phí cho giống cây trồng và vật tư cao, giá sản phẩm bấp bênh không ổn định; ý thức của người dân chưa cao, rác thải, vỏ bao bì thuốc trừ sâu, vớt bừa bãi làm ô nhiễm môi trường. Chăn nuôi gia súc gia cầm nguy cơ dịch bệnh đe dọa thường xuyên, bên cạnh đó giá bán lợn hơi, gà vịt thường bị tư thương ép giá do chưa có dịch vụ tiêu thụ lớn trên địa bàn gây tâm lý lo lắng của người dân chăn nuôi, thực trạng nhiều gia trại lợn, gà, vịt bị dịch bệnh dẫn đến thua lỗ và giải thể, làm giảm đáng kể sự tăng trưởng đàn gia súc gia cầm của địa phương. Xu hướng giảm chăn nuôi như hiện nay sẽ dẫn đến nhiều thách thức trong việc giải quyết lao động nông nhân, cơ hội thu nhập đa dạng cho phát triển kinh tế hộ, giảm lượng phân bón lót cho cây trồng, làm tăng thêm chi phí đầu tư trồng lúa và hoa màu.

2.2. Điều kiện sống cơ bản

Hải Phúc là xã được triển khai thực hiện và sớm đạt các tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống người dân ở mức khá so với các xã trong huyện Hải Hậu. Điện, đường, trường học, chợ, trạm y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường đáp ứng được đời sống cơ bản của người dân. Tính đến năm 2013, xã Hải Phúc có 100% đường giao thông đồng xóm và 50% đường ra đồng được cứng hóa, thuận lợi cho việc đi lại, phục vụ sản xuất. Về thủy lợi kênh mương cấp 2, 3, và hệ thống sông thuận lợi cho tưới tiêu, phục vụ sản xuất dân sinh. Hệ thống điện được xây dựng và công suất ngày càng được nâng lên, 100% hộ dân được dùng điện. Công trình trường học trên địa bàn xã cơ bản được xây dựng cao tầng kiên cố, an toàn cho việc dạy và học trước thiên tai, các cấp học đều đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1. Có 100% hộ dân sử dụng nước sạch từ nước giếng khoan và đại bộ phận hộ dân đều có bể chứa nước mưa để dùng ăn uống. Vệ sinh môi trường được cải thiện tốt hơn, tổ chức thu gom rác thải 2 lần/tuần và bước đầu có xử lý rác tại

bãi tập trung qua hình thức chôn lấp; hệ thống thoát nước cộng đồng ngày được hoàn thiện, giảm úng ngập khi có mưa; hố xí hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ cao (89,7%). Điều kiện khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tốt hơn, người tham gia bảo hiểm y tế ngày càng nhiều, đạt 71% nên cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế của người dân nhiều hơn. Trong năm 2013, xã thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, công tác tiêm chủng mở rộng, thực hiện tốt chương trình mục tiêu Quốc gia, công tác khám chữa bệnh đáp ứng các đối tượng có thể bảo hiểm y tế. Qua phúc tra công tác y tế năm 2013, xã tiếp tục đạt chuẩn Quốc gia về bộ tiêu chí y tế. Trụ sở xã, nhà văn hóa các xóm đều được xây dựng kiên cố đáp ứng yêu cầu làm việc và sinh hoạt cộng đồng. Nhà ở của người dân cũng có những cải thiện đáng kể, an toàn trước thiên tai, tỷ lệ nhà kiên cố chiếm gần 70%.

Tuy nhiên, về điều kiện sống cơ bản của người dân trong xã cũng còn nhiều hạn chế như: nhà ở không an toàn nhiều; có khoảng 30% hệ thống đường dây điện tại một số cụm dân cư không an toàn, xóm 3, xóm 8 công suất điện chưa đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, nuôi trồng thủy hải sản (cần lắp thêm 2 trạm biến áp điện); Công trình vệ sinh trường học xuống cấp và còn thiếu chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên, học sinh. Bên cạnh đó, 1.652 người/462 hộ dân thuộc xóm 1, 2, 3, 4 chỗ ở trũng, thấp, kém an toàn và nằm trong vùng nguy cơ cao nên cần sơ tán đến các trường học khi có thiên tai xảy ra, nhưng trường học thiếu công trình vệ sinh và hệ thống nước sạch nên gặp khó khăn cho điểm sơ tán dân. Thực trạng đê biển cao trình thấp, đê sông chủ yếu là đê đất nên có nguy cơ cao khi có gió bão to (siêu bão), nước biển dâng gây vỡ đê đe dọa trực tiếp đến tính mạng, tài sản người dân, nhất là đối với các xóm 1, 2, 3 và một phần hộ dân của xóm 4 do ở vị trí trũng thấp và tiếp giáp với mặt biển, mặt sông. Trong khi đó hệ thống cảnh báo sớm của xã còn yếu và thiếu; loa truyền thanh xuống cấp nghiêm trọng, thiếu 10 cụm loa nên có khoảng 35% người dân chưa được nghe thông tin qua hệ thống truyền thanh của xã. Hầu hết các xóm chưa có các bảng tin, biển báo tại cộng đồng, vùng nguy cơ cao và các phương tiện cảnh báo sớm như loa cầm tay, âm thanh lưu động để thay thế khi mất điện. Chất lượng dân số đang có vấn đề, sự chênh lệch về nam nữ có xu hướng nam nhiều hơn nữ dẫn đến thiếu cân bằng giới và khoảng cách giới trong tương lai gần; tỷ lệ sinh con thứ 3 cao, chiếm 13%. Tỷ lệ người dân chưa tham gia bảo hiểm y tế còn 29%. Hơn nữa, vấn đề nước sạch, vệ sinh môi trường còn nhiều lo ngại, ảnh hưởng đến sức khỏe, dẫn đến bệnh tật như chất lượng nước giếng khoan nhiễm sắt, nhiễm mangan, nước lã cặn và có màu vàng; nước mưa còn nhiều tạp chất và người dân chưa được hướng dẫn về cách dự trữ, bảo quản và sử dụng nước mưa hợp vệ sinh; 90% người dân chưa có thói quen lọc nước qua bể lọc, thiếu thiết bị lọc nước hợp vệ sinh. Những năm gần đây do tác

động của BĐKH với nhiều đợt nắng nóng kéo dài cùng với việc khai thác nước ngầm của người dân ngày càng nhiều nên có biểu hiện cạn kiệt nguồn nước (giếng khoan không còn dùng được bơm tay, phải dùng máy bơm). Với thực trạng BĐKH như hiện nay thì cũng đủ cho thấy trong vài năm tới ở xã Hải Phúc cũng như các xã ven biển sẽ thiếu nước sinh hoạt trầm trọng nên về lâu dài cần có các giải pháp cấp nước tập trung. Trước mắt cần được cơ quan chức năng xét nghiệm tạp chất nước và giúp người dân có giải pháp xử lý nước sinh hoạt, ăn uống hợp vệ sinh. Ngoài ra, nước thải chưa được xử lý, chảy thẳng ra kênh, sông gây ô nhiễm môi trường. Các kênh mương còn bị ách tắc dòng chảy bởi bèo, rác thải, gia trại chăn nuôi còn ở xen lẫn khu dân cư gây ô nhiễm môi trường.

Tóm lại về điều kiện sống cơ bản người dân trong xã về mọi mặt được nâng lên, xã đến nay thực hiện chương trình nông thôn mới đạt được 19/19 tiêu chí Quốc gia, nhưng vẫn còn những hạn chế, dễ rủi ro khi có thiên tai. Qua phỏng vấn 20 hộ dân đã có 20/20 ý kiến lo sợ về vấn đề tai nạn giao thông; 20/20 ý kiến lo lắng ô nhiễm môi trường, 05/20 ý kiến lo sợ không an toàn do cháy nổ, 10/20 ý kiến lo lắng dịch bệnh ở người do tác động thảm họa thiên tai vì vậy điều kiện sống cơ bản của người dân cũng cần được cải thiện nhiều hơn nữa, nhất là sống trong bối cảnh thiên tai, biến đổi khí hậu khó lường như hiện nay.

2.3. Sự tự bảo vệ của cá nhân, hộ gia đình

Hải Phúc là xã đồng bằng ven biển, người dân có nhiều kinh nghiệm ứng phó với thiên tai. Đại bộ phận có ý thức tự giác, chủ động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tỷ lệ người biết bơi khoảng 30%. Người dân chủ động chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực và thực phẩm trong mùa mưa bão, đề phòng khi có thiên tai. 100% hộ dân có ti vi và 50% hộ dân có đài radio. Khi có thiên tai, chủ động sơ tán đến nơi an toàn theo thông tin cảnh báo của Chính quyền địa phương, nhất là người già, trẻ em, người khuyết tật được chăm sóc bảo vệ và giúp đỡ sơ tán trước.

Tuy vậy, biện pháp an toàn cá nhân và hộ gia đình còn nhiều hạn chế, rủi ro cao khi có thiên tai cường độ mạnh như gió bão lớn, nước biển dâng cao. Tỷ lệ nhà bán kiên cố xuống cấp, nhà không an toàn còn nhiều; hơn 1.600 người dân ở vùng thấp trũng tiếp giáp với sông, biển. Tỷ lệ người chưa biết bơi còn cao (hơn 70% đối với người lớn, trẻ em trong độ tuổi chưa được dạy bơi và học bơi chiếm đến 90%); Phụ nữ chủ hộ gia đình, người khuyết tật, người già nhiều bất lợi trong phòng ngừa ứng phó thiên tai khi có tình huống khẩn cấp; lao động đánh bắt cá ven sông còn chủ quan, thiếu thông tin, thiếu trang thiết bị an toàn trên thuyền nhỏ khi đánh bắt. Đại bộ phận người dân trong cộng đồng nắm bắt thông tin diễn biến thiên tai thiếu kịp thời do hệ thống truyền thanh xuống cấp, thiếu cụm loa, bảng tin hoặc trong mùa mưa bão. Hệ thống truyền thanh, ti vi không hoạt động được do bị mất

điện. Bên cạnh đó, kiến thức, kỹ năng và các giải pháp an toàn cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng còn hạn chế; giáo viên, học sinh chưa được thường xuyên tập huấn, cập nhật đầy đủ về kiến thức giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết quả phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ, có 10 hộ trả lời về mức độ không an toàn quanh nhà; 10 hộ trả lời không có rào chắn an toàn; có 75% người được phỏng vấn trả lời trẻ em nhỏ tự đi học (3/4 hộ có trẻ em đi học thì 3 hộ trả lời trẻ em tự đi học), có 11 ý kiến trả lời hộ gia đình có kế hoạch phòng chống thiên tai... Như vậy cho thấy sự hiểu biết, chủ động bảo vệ của người dân để giảm thiểu rủi ro còn hạn chế.

2.4. Sự bảo vệ xã hội

Hằng năm xã thường xuyên quan tâm đến công tác và kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn được phân công cụ thể và triển khai đến xóm theo phương châm 4 tại chỗ. Xã đã xây dựng một đội dân quân tự vệ gồm 50 người hỗ trợ ứng phó khi có thiên tai xảy ra. Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ cứu nạn tham gia đợt diễn tập của cấp huyện tổ chức. Chính quyền địa phương vận động và chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết khi có thiên tai xảy ra như: cọc tre (3.430 chiếc); bao tải (2.430 chiếc); cuốc, xẻng, dao (100 chiếc) chuẩn bị các phương tiện như xe ô tô, xe tải (tổng 6 xe) và huy động các phương tiện của người dân trong tình huống phải di dời dân từ vùng nguy cơ cao vào nơi tránh trú an toàn; chỉ đạo tổ chức chiến dịch nạo vét kênh mương thủy lợi nội đồng, khơi thông dòng chảy, tránh ách tắc và ngập úng trong mùa mưa bão. Tuyên truyền kêu gọi nhân dân bảo vệ các công trình đê, đường trên địa bàn xã. Chính quyền địa phương thống nhất với các vị đứng đầu các tôn giáo sử dụng chuông Nhà thờ, Chùa làm phương tiện cảnh báo cho cộng đồng khi có tình huống thiên tai.

Nhìn chung việc bảo vệ xã hội đã có sự quan tâm của cộng đồng, nhưng vẫn còn một số hạn chế. Lực lượng ứng phó thiên tai được thành lập với số lượng nhiều, nhưng chưa được tập huấn và trang bị phương tiện cứu hộ, cứu nạn như thuyền, áo phao, đèn pin, áo mưa, mũ bảo hiểm, cưa máy... Cán bộ Chính quyền, Đoàn thể ít được tập huấn về kiến thức biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, các tổ chức Mặt trận tổ quốc, đoàn thể còn thiếu nội dung, tài liệu để tuyên truyền cho cán bộ hội viên và người dân. Hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, thiếu cụm loa; chưa có bảng tin, biển báo lắp đặt nơi công cộng, vùng nguy cơ cao. Trong mưa bão thường bị mất điện, hệ thống truyền thanh không hoạt động được, nhưng chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay thay thế để thông tin cảnh báo về thiên tai kịp thời cho người dân. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn còn hạn chế và tính chuyên nghiệp chưa cao.

2.5. Tổ chức Xã hội/Chính quyền

Tổ chức Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ xã đến xóm tập trung triển khai chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tuyên truyền vận động nhân dân phòng ngừa ứng phó thiên tai, giúp đỡ sơ tán, cứu trợ lương thực, nước uống khi cần thiết, vận động nguồn lực 4 tại chỗ cho phòng chống thiên tai. Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh có chương trình giúp hội viên phát triển kinh tế gia đình như vay vốn ngân hàng Chính sách, ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn, vốn từ các nguồn quỹ Hội. Mặt trận tổ quốc đẩy mạnh các phong trào, cuộc vận động “ngày vì người nghèo”, vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, thực hiện cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư, góp phần thúc đẩy triển khai thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới với sự tham gia đóng góp của người dân trong việc làm đường, nạo vét kênh mương, làm nhà văn hóa xóm. Tuy vậy, về cơ chế, chính sách, kinh phí, điều kiện và phương tiện dành cho công tác phòng chống thiên tai của xã còn khó khăn. BCH phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và lực lượng ứng phó cộng đồng chưa được tập huấn nhiều về kiến thức và kỹ năng phòng ngừa ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, về lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu chưa được lồng ghép nhiều vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ít được lồng ghép vào chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể - xã hội, tạo điều kiện huy động nguồn lực phát triển sản xuất kinh doanh, thí điểm xây dựng các mô hình với cây lúa, cây màu, mô hình trang trại chăn nuôi, giảm phát thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu trước mắt và trong tương lai; chưa được lồng ghép phát triển kinh tế xã hội bền vững, gắn xóa đói giảm nghèo với quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng nhằm cải thiện tình trạng dễ bị tổn thương, tăng cường năng lực của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng cho việc an toàn trước thiên tai.

3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương

3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội

3.1.1. Các loại hiểm họa, thiên tai và xu hướng biến động

Hải Phúc là xã có địa hình giáp biển, giáp sông nên hằng năm chịu ảnh hưởng thiên tai như áp thấp nhiệt đới, bão, lụt, sạt lở đất và những hiện tượng thời tiết bất thường như nắng nóng, mưa lớn, nhiễm mặn xảy ra với mức độ tác động nghiêm trọng. Hằng năm xảy ra tại địa phương từ 6 - 7 đợt áp thấp nhiệt đới, từ 3 - 4 cơn bão. Xu hướng bão đến sớm hơn, nhưng kết thúc muộn, khó dự đoán, cường độ mạnh và kèm theo mưa lớn gây ngập lụt. Thời gian giữa các trận bão gần hơn,

lụt lớn hơn, kéo dài hơn (từ 5 đến 7 ngày), khi có triều cường thì ngập lụt dài ngày hơn. Theo thông tin cung cấp của UBND xã và người dân, hàng năm xã bị thiệt hại do thiên tai về tài sản, sinh kế và công trình, giá trị từ 1,5 đến 2 tỷ đồng. Có năm thiên tai còn gây ra thiệt hại lớn hơn, như bão năm 2005 thiệt hại giá trị hơn 15 tỷ đồng, bão và kèm theo ngập lụt năm 2012 gây thiệt hại trên 10 tỷ đồng. Qua phỏng vấn về hiểm họa tự nhiên, có 12/20 ý kiến lo sợ lụt; 20/20 ý kiến lo sợ bão; 18/20 ý kiến lo sợ rét; 17/20 ý kiến lo sợ nhiễm mặn. Về hiểm họa do con người, có 20/20 ý kiến lo sợ tai nạn giao thông; 20/20 ý kiến lo sợ ô nhiễm môi trường; 05/20 ý kiến lo sợ cháy nổ; 10/20 ý kiến lo sợ bệnh dịch ở người.

Theo nhận định của người dân tình hình thiên tai và cấp độ thiên tai ngày càng phức tạp hơn, khó lường, nhất là cường độ bão lớn (siêu bão). Các hiện tượng nắng nóng kéo dài sẽ gây nhiễm mặn, làm cạn kiệt nguồn nước ngầm; lượng mưa phân bố không đều như mùa nắng ít mưa, mùa mưa mưa nhiều, thiên tai ảnh hưởng đến tính mạng tài sản và môi trường sống của người dân nên cần có kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu để hướng dẫn người dân và cộng đồng.

Tác động, thiệt hại đối với nhóm người dễ bị tổn thương (xem bảng phân tích dưới đây):

NHÓM PHỤ NỮ NGHÈO			
RỦI RO	TTDBTT	KHẢ NĂNG	ỨNG PHÓ
Thiệt hại sinh kế (mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu, dịch bệnh gia súc gia cầm) ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống khó khăn.	<ul style="list-style-type: none"> • Lao động chính là nữ (nam giới đi làm xa), phụ nữ phải gánh vác mọi khâu trồng lúa kể cả việc phun thuốc trừ sâu. • Diện tích lúa bị nhiễm mặn, ngập úng. • Dịch bệnh sâu rầy trên cây lúa, hoa màu. • Nông sản chưa có đầu ra giá thu mua nông sản quá thấp. • Dịch bệnh phát sinh do nắng nóng kéo dài và rét 	<ul style="list-style-type: none"> • Có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng lúa • Có đức tính cần cù chịu khó. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cần chuyển diện tích trồng lúa bị nhiễm mặn, ngập úng sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng màu phù hợp với đất nhiễm mặn. • Cần phun thuốc trừ sâu đúng quy trình và đảm bảo chất lượng. • Cần cải tạo hệ thống kênh mương nội đồng riêng để chủ động điều tiết tưới, tiêu nước phục vụ cho sản xuất lúa và màu không bị ảnh hưởng nước thải nuôi trồng thủy sản gây nhiễm mặn giảm năng suất.

	<p>đậm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá cả thức ăn cho gia súc, gia cầm quá cao và giá sản phẩm đầu ra quá thấp. 		<ul style="list-style-type: none"> • Cần tiêm thuốc, vệ sinh chuồng trại. • Tổ chức các dịch vụ cung ứng thức ăn, con giống đảm bảo chất lượng và giá cả phù hợp.
<p>Ảnh hưởng về sức khỏe do tai nạn lao động, nước sạch, vệ sinh môi trường (bị say thuốc và say nắng, đau đầu, choáng trong khi phun thuốc sâu).</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Lao động chính là nữ, thường phải làm việc nặng nhọc, môi trường độc hại (phun thuốc trừ sâu bảo vệ lúa, hoa màu, thau rửa, ao đầm nuôi trồng thủy hải sản, dọn dẹp vệ sinh chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, dọn dẹp nhà vệ sinh, thu gom rác thải...) • Nước giếng khoan còn nhiễm sắt, phèn, nhiễm mặn. 	<ul style="list-style-type: none"> • Có trang bị bảo hộ lao động. • Phụ nữ vốn có tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống (dùng chung giếng, bể lọc nước), có bảo hiểm y tế. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cần tổ chức nhiều ngành nghề, thương mại, dịch vụ để tạo cho phụ nữ có nhiều cơ hội tìm việc làm phù hợp. • Chính quyền cần có KH XD hệ thống cung cấp nước sạch cho người dân. • Trước mắt cần cho các hộ nghèo vay vốn mua máy lọc nước.
<p>Ảnh hưởng tính mạng khi có thiên tai.</p>	<p>Nhà ở không an toàn trước thiên tai do phụ nữ chủ hộ hoặc hộ nam giới đi làm ăn xa, phụ nữ ở nhà ứng phó với thiên tai.</p>	<p>Có kinh nghiệm phòng chống bão.</p>	<p>Nhờ người xung quanh giúp đỡ (mua lưới chằng chống nhà, chặt tỉa cành cây cạnh nhà ở).</p>
NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ NGƯỜI THU NHẬP THẤP			
RỦI RO	TTDBTT	KHẢ NĂNG	GIẢI PHÁP
<p>Mất mùa, giảm năng suất lúa do</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thiếu vốn đầu tư sản xuất. • Diện tích lúa bị 	<p>Có kinh nghiệm và kỹ thuật trong trồng lúa và chăn nuôi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cần hỗ trợ vốn vay để đầu tư cho sản xuất. • Chọn những loại

<p>thiên tai, chăn nuôi gia súc gia cầm bị thua lỗ ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống.</p>	<p>nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ mùa.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá cả nông sản thấp. • Dịch bệnh sâu rầy. 		<p>giống cây phù hợp chất đất và có năng suất cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chọn cây, con giống có chất lượng, kháng dịch bệnh. • Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh.
<p>Ảnh hưởng tâm lý, sức khỏe (nợ nần, lo nghĩ, đau ốm).</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thiếu vốn phải đi vay mượn lãi suất cao. • Làm ăn thua lỗ: mất mùa... thu không đủ bù chi phí, đời sống khó khăn, không có tiền trả trả nợ. 	<p>Có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau khi khó khăn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cần có chính sách hỗ trợ người nghèo vay vốn lãi suất thấp. • Các Đoàn thể vận động giúp đỡ xóa nợ.
<p>Ảnh hưởng tính mạng khi có thiên tai.</p>	<p>Nhà xuống cấp, không đủ sức chống đỡ trước thiên tai. Đời sống khó khăn không có kinh phí nâng cấp, cải tạo nhà cửa kiên cố để ứng phó thiên tai.</p>	<p>Người dân có kinh nghiệm phòng chống bão.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Mua lưới chằng chống nhà cửa. • Kêu gọi đầu tư hoặc cho vay vốn với lãi suất thấp để gia cố cải tạo nhà cửa kiên cố.
<p>Sức khỏe của người nghèo bị ảnh hưởng do đời sống khó khăn, do ô nhiễm môi trường, do dùng nước giếng khoan chưa đảm bảo vệ sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thường xuyên ốm yếu vì không có điều kiện chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh. • Chưa có hệ thống lọc nước sạch để sinh hoạt. • Không có tiền mua thuốc chữa bệnh khi ốm đau. • Đa số hộ dân thu nhập thấp chưa có hố xí hợp 	<p>Được cấp thẻ bảo hiểm y tế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cần đầu tư các nghề phụ ổn định thu nhập đảm bảo cuộc sống cho người thu nhập thấp. • Cần xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch. • Cần có phòng khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho người nghèo. • Cần đầu tư vốn cho hộ nghèo xây hố xí hợp vệ sinh.

	vệ sinh.		
Người khuyết tật có nguy cơ dễ bị thiệt hại đến tính mạng, thương tích khi sơ tán trong mùa bão.	<ul style="list-style-type: none"> Gặp khó khăn khi di chuyển do bị khuyết tật, sức khỏe yếu. Tiếp cận thông tin về bão bị hạn chế do trí tuệ kém phát triển 		<ul style="list-style-type: none"> Cần có chương trình hỗ trợ phục hồi chức năng cho người khuyết tật. Cần hỗ trợ phương tiện đi lại (xe lăn, xe lắc, tay chân giả) cho người khuyết tật. Có chính sách ưu tiên. người khuyết tật, chế độ cụ thể đối với người khuyết tật nghèo.

NHÓM HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

RỦI RO	TTDBTT	KHẢ NĂNG	GIẢI PHÁP
Học sinh có nguy cơ bị đuối nước	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ học sinh biết bơi thấp (85% học sinh không biết bơi). Chưa có địa điểm dạy và học bơi cho học sinh. 	Được cha mẹ và nhà trường đã nhắc nhở đề phòng đuối nước.	<ul style="list-style-type: none"> Cần tập huấn cho giáo viên và học sinh về cách phòng chống và sơ cấp cứu khi đuối nước. Cần xây dựng bể bơi và dạy bơi cho các em.
Nguy cơ thiệt hại về tính mạng, ảnh hưởng sức khỏe, và tai nạn thương tích do thiên tai.	<ul style="list-style-type: none"> Giáo viên và học sinh chưa được cung cấp đầy đủ kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa, thích ứng với BĐKH. Thiếu các tài liệu giảng dạy về BĐKH. Khu vệ sinh của trường tiểu học xuống cấp, thiếu nhà vệ sinh của giáo viên; thiếu phòng chức năng và trang thiết bị dạy học. 	<ul style="list-style-type: none"> Được cha mẹ và nhà trường nhắc nhở đề phòng khi có bão. Nhà trường chỉ đạo giáo viên và học sinh chủ động phòng chống bão. 	<ul style="list-style-type: none"> Cần tập huấn về phòng ngừa ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho giáo viên học sinh. Cần cung cấp trang thiết bị và tài liệu về phòng ngừa thảm họa, BĐKH. Cần sửa chữa, cải tạo khu vệ sinh trường tiểu học.

<p>Nguy cơ tai nạn giao thông khi đến trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Trường trung học và tiểu học đều ở cạnh đường Quốc lộ nhiều xe qua lại ảnh hưởng đến việc đi lại của học sinh và giáo viên. • Học sinh cấp I (lớp 3, 4, 5) sử dụng xe đạp đi học. 	<ul style="list-style-type: none"> • Các thầy cô giáo thường xuyên nhắc nhở học sinh thực hiện và tham gia giao thông theo đúng luật đảm bảo an toàn. • Trường trung học cơ sở và tiểu học đều có cán bộ y tế và thuốc dự trữ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cần tập huấn về an toàn giao thông cho học sinh và thầy cô giáo; tập huấn về sơ cấp cứu cho cán bộ y tế nhà trường và đội Thanh niên xung kích Chử thập đỏ. • Học sinh tiểu học nên hạn chế tự đi xe đạp đi học.
<p>NHÓM NGƯỜI SỐNG TRONG VÙNG HIỂM HỌA THIÊN TAI</p>			
<p>RỦI RO</p>	<p>TTDBTT</p>	<p>KHẢ NĂNG</p>	<p>GIẢI PHÁP</p>
<p>Người dân lo lắng về an toàn tính mạng, tài sản khi có thiên tai.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn khi có thiên tai. • Thiếu thông tin cảnh báo. • Tỷ lệ người dân biết bơi thấp (30%). • Nhà ở không an toàn (nhà bán kiên cố xuống cấp, nhà tạm). 	<ul style="list-style-type: none"> • 70% người dân biết bơi. • Người dân có kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai. • Có 1,145 km đường cứu hộ đang thi công. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư trang thiết bị cứu hộ cứu nạn cho đội thanh niên xung kích từ xã đến xóm. • Trang bị, nâng cấp hệ thống cảnh báo (loa truyền thanh, bảng biển cảnh báo). • Tổ chức dạy bơi cho học sinh và thanh niên. • Sớm hoàn thành đường cứu hộ cứu nạn. • Có chính sách hỗ trợ nâng cấp nhà ở an toàn. • Sơ tán khi có thiên tai.

Bảng 6. Phân tích nhóm người dễ bị tổn thương

3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần

Bảng rủi ro, TTDBTT, Khả năng và giải pháp ứng phó xã Hải Phúc

RỦI RO	TÌNH TRẠNG DBTT	KHẢ NĂNG	GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ
HỢP PHẦN SINH KẾ			
<p>Mất mùa, giảm năng suất (lúa, hoa màu)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có khoảng 140 ha (thuộc xóm 1 - 7) diện tích trồng lúa, màu thường bị thấm thấu mặn vào vụ chiêm xuân, ngập úng vào vụ mùa. • Diện tích đất trồng lúa xen kẽ diện tích đất nuôi trồng thủy sản do một số hộ lấy nước mặn vào nuôi trồng gây xâm nhập mặn làm chết diện tích lúa (nhiều nhất là xóm 1). • Sâu bệnh, chuột, ốc bươu vàng phá hoại. • Giá cả phân bón thuốc bảo vệ thực vật cao, giá nông sản thấp. • Phương tiện sản xuất cơ giới còn thiếu, công suất nhỏ. • Còn 50% đường giao thông nội đồng chưa được cứng hóa. • Hệ thống kênh mương hẹp, tiêu thoát nước kém, rác thải bèo ách tắc dòng chảy. • Diện tích đất trồng lúa và nuôi trồng thủy sản chưa có kênh mương riêng biệt gây nhiễm mặn từ nuôi trồng thủy hải sản sang trồng lúa. • Chưa qui hoạch cánh đồng mẫu lớn, thiếu mô hình làm điểu về áp dụng khoa học kỹ 	<ul style="list-style-type: none"> • Có 466,84 ha đất sản xuất lúa 2 vụ. • Có phương tiện sản xuất cơ giới như máy cày, máy tuốt, máy gặt, máy bơm nước. • Có 80% hộ sinh sống chủ yếu nghề trồng lúa, có lao động nam và nữ tham gia (nữ tham gia chiếm 70%). • Có 2 HTX dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp, thủy lợi tưới, tiêu và chăm sóc bảo vệ thực vật. • 50% đường giao thông nội đồng được cứng hóa phục vụ sản 	<ul style="list-style-type: none"> • Cần duy trì thường xuyên thau rửa diện tích đất chua phèn, thấm thấu mặn. • Qui hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng, nạo vét kênh mương làm thông thoáng dòng chảy, xây dựng hệ thống mương nổi để có nước phục vụ sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản riêng biệt. • Tổng kết rút kinh nghiệm chọn giống lúa kháng bệnh cao vào sản xuất. • Phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc bảo vệ thực vật và kinh nghiệm dân gian. • Tăng cường phương tiện cơ giới có công suất lớn vào sản xuất như máy cày, máy tuốt, máy gặt. • Tiếp tục cứng hóa 50% đường nội đồng để phục vụ sản xuất.

	<p>thuật giảm chi phí, tăng sản lượng, thu nhập cho nghề trồng lúa và trồng màu vụ đông trên đất hai lúa.</p>	<p>xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có kinh nghiệm dân gian trong chọn giống lúa, bảo vệ cây trồng diệt ốc bươu vàng. • Có kinh nghiệm gieo sạ thay cây lúa 2 vụ, tiết kiệm chi phí sản xuất. • Có kinh nghiệm thau chua rửa mặn. • Có khả năng chăm sóc mùa màng, phát hiện dịch bệnh. • Kênh mương thủy lợi được đóng góp công, kinh phí nạo vét phục vụ tưới tiêu cây trồng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cần có quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, giới thiệu mô hình áp dụng khoa học kỹ thuật, giảm chi phí, tăng sản lượng, thu nhập đối với nghề trồng lúa và trồng màu vụ đông trên đất hai lúa.
<p>Nuôi trồng thủy hải sản nguy cơ cao</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Nguồn nước nuôi trồng thủy hải sản bị ô nhiễm, nuôi trồng thủy hải sản và diện tích trồng lúa. • Thiếu chủ động trong chọn con giống (chủ yếu mua ở ngoài tỉnh không kiểm soát 	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích nuôi trồng thủy hải sản 60 ha, đã qui hoạch 42 ha diện tích nuôi trồng thủy sản theo hướng bán công 	<ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng. • Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm. • Thường xuyên bơm nước thau rửa ao đầm, vệ sinh môi trường

<p>mất vốn ảnh hưởng đời sống.</p>	<p>được chất lượng).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức áp dụng khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm nuôi trồng thủy hải sản còn hạn chế. • Bờ ao đầm chưa được kiên cố, dễ vỡ và ngập úng khi có mưa bão. 	<p>nghiệp (nuôi tôm thẻ chân trắng); 18 ha nuôi cá truyền thống.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Được tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật. • Có kinh nghiệm trong nuôi trồng. • Có lao động nam nữ tham gia (lao động nam chiếm 70%). 	<p>trước khi thả giống.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cần có hệ thống thủy lợi riêng biệt để lấy nước vào nuôi trồng tránh không bị ảnh hưởng ô nhiễm nguồn nước do thuốc sâu, chất thải từ sản xuất lúa, cây màu làm chết tôm cá. • Cần có cơ sở sản xuất con giống nuôi trồng thủy hải sản tại địa phương. • Giới thiệu nhiều cơ sở cung cấp con giống có uy tín, chất lượng để hộ nuôi trồng lựa chọn con giống có chất lượng.
<p>Chăn nuôi gặp nhiều rủi ro ảnh hưởng đến đời sống người dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có khoảng 70% hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ khó phòng ngừa dịch bệnh. • Gia trại chăn nuôi xen kẽ khu dân cư. • Mạng lưới thú y cơ sở còn mỏng. • Dịch bệnh phát sinh. • Giá cả bấp bênh (giá con giống cao, giá lợn thịt thấp). • Chưa có cơ sở thu mua lớn trên địa bàn, thường bị tư thương ép giá. • Kiến thức áp dụng vào chăn nuôi còn hạn chế. • Chuồng trại thường bị đổ, ngập lụt khi có gió to, mưa lớn, chưa phù hợp theo thời tiết 	<ul style="list-style-type: none"> • Gia đình có chuồng trại chăn nuôi. • Tận dụng được lao động nông nhàn trong gia đình. • Tận dụng được thức ăn dư thừa của gia đình. • Có cơ sở cung cấp thức ăn chăn nuôi trên địa bàn xã. • Có khả năng tự chế biến một phần thức ăn cho gia súc gia 	<ul style="list-style-type: none"> • Cần qui hoạch chăn nuôi theo mô hình trang trại xa khu dân cư. • Cần tăng cường dịch vụ thú y đến các xóm, hướng dẫn người dân phòng ngừa dịch bệnh trên vật nuôi. • Tìm thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm cho người dân. • Khuyến khích mô hình xây hầm bi ô ga để xử lý phân vật nuôi tạo khí đốt để tiết kiệm chất đốt, hợp vệ sinh. • Xây dựng chuồng trại phòng ngập lụt trong mùa mưa bão, kín

	tùng mùa.	cầm. <ul style="list-style-type: none"> • Gia súc, gia cầm thường xuyên được tiêm phòng vắc xin. • Có kinh nghiệm trong chăn nuôi. • Có lao động nam, nữ, người già, trẻ em tham gia chăn nuôi, chăm sóc gia súc, gia cầm. 	về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.
--	-----------	--	------------------------------------

ĐIỀU KIỆN SỐNG CƠ BẢN

Tính mạng, tài sản nhà ở không an toàn khi có thiên tai bão lũ xảy ra (nhất là bão lớn, siêu bão)	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà bán kiên cố, xuống cấp, nhà tạm còn nhiều (nhà bán kiên cố 535 chiếm 27,2%; nhà không an toàn 57, chiếm 2,8%). • 50% đường giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa. • Hệ thống loa truyền thanh chỉ đáp ứng được 70% công suất, thiếu 10 cụm loa. • Khu vệ sinh của trường Tiểu học xuống cấp, thiếu một số thiết bị của phòng chức năng, thiếu nhà vệ sinh của giáo viên, hệ thống nước sạch và công trình vệ sinh của trường học không đáp ứng nhu cầu trong việc sử dụng làm điểm sơ tán dân. • Người dân thiếu thông tin về diễn biến thiên tai (khi mất điện hệ thống truyền thanh không phát được) đồng thời không có loa cầm tay, âm ly lưu động; thiếu bảng tin, biển 	<ul style="list-style-type: none"> • Có 69,5% nhà kiên cố. • 100% đường giao thông xóm được bê tông hóa. • 50% đường giao thông nội đồng được bê tông hóa; đường cứu hộ cứu nạn (xóm 1, 2, 3, 4) đang được đầu tư nâng cấp. • Người dân có kinh nghiệm trong chằng chống nhà cửa và kiến thức phòng chống lụt bão. • Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ cộng đồng. • Đại bộ phận người dân có ý thức dự trữ lương thực, nước 	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng nhà kiên cố, xóa nhà tạm; cần có mô hình nhà chịu đựng được thiên tai, thích ứng BĐKH. • Tiếp tục đầu tư bê tông hóa 50% đường nội đồng. • Hỗ trợ vay vốn, giúp hộ nghèo xây dựng nhà ở đảm bảo an toàn khi có thiên tai. • Nâng cao trình độ dân; kiên cố hóa đê sông. • Đầu tư nâng cấp và mở rộng công trình vệ sinh, nước sạch tại các trường
--	---	---	--

	<p>báo tại các xóm và khu vực xung yếu, nguy cơ cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xu hướng bão lớn, nước biển dâng xảy ra trên địa bàn ngày càng cao hơn, mạnh hơn vượt khả năng chống chịu đối với các nhà ven đê (đặc biệt xóm 1, 2, 3, 4). • Cán bộ và lực lượng cứu hộ cứu nạn thiếu kiến thức, kỹ năng và trang thiết bị PNUPTH. • Cao trình đê biển thấp, đê sông thiếu kiên cố (mới cứng hóa mặt đê 1/3,5 km). 	<p>uống khi có thiên tai.</p> <ul style="list-style-type: none"> • 30% người dân biết bơi. • Có các trường học cao tầng kiên cố làm điểm sơ tán dân khi có bão. • Có phương án, và lực lượng cứu hộ cứu nạn. 	<p>học, mua sắm máy phát điện tại các trường học để gắn trường học với điểm sơ tán dân đảm bảo việc sơ tán dân với qui mô và số lượng lớn.</p>
<p>Ảnh hưởng sức khỏe, gây ra nhiều dịch bệnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Rác thải tập trung chưa được xử lý. • Vỏ chai, bao bì thuốc trừ sâu còn vứt bừa bãi. • Một bộ phận người dân còn vứt rác thải, chất thải bừa bãi ra sông, khu dân cư gây ô nhiễm môi trường. • Tần suất thu gom rác thải 2 lần/tuần còn thấp (có nơi 1 lần/tuần). • Nước sạch chủ yếu lấy từ giếng khoan chưa được xét nghiệm, đa số hộ dân chưa có bể lọc. Đang có hiện tượng ngày càng cạn kiệt nguồn nước ngầm và nước nhiễm phèn, sắt cao. • Còn 29% người dân chưa có thẻ bảo hiểm y tế. • Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao chưa được tiếp cận các dịch vụ y tế thường xuyên, khó khăn trong việc khám chữa bệnh khi đau ốm, bệnh tật. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đại bộ phận người dân có ý thức thu gom rác vào bao, túi ni lông. • Một số hộ dự trữ nước mưa, mua nước lọc để uống. • 89,7% hộ dân có hồ xí hợp vệ sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cần đầu tư hệ thống xử lý rác thải tập trung. • Tuyên truyền cho người dân về hiện tượng cạn kiệt nguồn nước ngầm để có ý thức tiết kiệm nước như khai thác nước ngầm hợp lý; dự trữ nước mưa, xây bể lọc nước hợp vệ sinh. • Cần xét nghiệm nước để có khuyến cáo người dân xử lý nước sạch. Về lâu dài cần cấp nước tập trung. Trước mắt hướng dẫn nhân dân dự trữ nước mưa, lọc

	<ul style="list-style-type: none"> • Còn 11,3% hộ gia đình chưa có hố xí hợp vệ sinh. • Gia trại chăn nuôi xen kẽ khu dân cư. 	<p>nước giếng khoan để dùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cần có các lớp tập huấn về kiến thức nước sạch, vệ sinh môi trường cho cán bộ tình nguyện viên và người dân.
--	---	---

SỰ TỰ BẢO VỆ VÀ BẢO VỆ CỘNG ĐỒNG

<p>Thiệt hại về tính mạng và tài sản do bão lụt</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống loa truyền thanh không dây bị xuống cấp, các bảng tin, biển báo ở vùng nguy cơ cao chưa được lắp đặt. Chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay. • Khi có mưa bão thường mất điện, không nghe được nên người dân không chủ động trong phòng chống thiên tai. • Đội ứng phó chưa được tập huấn, trang thiết bị không có thuyền, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, ủng,... • Tỷ lệ trẻ em biết bơi thấp, chưa được thực hành bơi dẫn đến đuối nước. • Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác phòng chống lụt bão. • Lao động chính (nam giới), người có sức khỏe đi làm ăn xa nên thiếu lực lượng ứng cứu và phục hồi khi có thiên tai và phục hồi khi thiên tai xảy ra. 	<ul style="list-style-type: none"> • Có Ban chỉ huy phòng chống thiên tai được phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách địa bàn dân cư. • Có hệ thống loa truyền thanh đến các xóm (70%). • Lực lượng ứng phó tại các xóm được thành lập và phân công cụ thể (mỗi xóm có từ 25 - 30 người). • Có các trường học, trụ sở ủy ban và các nhà cao tầng kiên cố để di dời dân khi có thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh, lắp đặt các bảng tin, biển báo, cụm loa truyền thanh tại cộng đồng đặc biệt là nơi xa trung tâm. • Cần được tập huấn kỹ năng kiến thức, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa như: máy phát điện, âm thanh lưu động, loa cầm tay, áo phao, phao cứu sinh, v.v.. • Xây bể bơi, tập huấn bơi, tập huấn sơ cấp cứu cho cộng đồng và trường học. • Nhà trường và gia đình phối hợp tuyên truyền
--	---	---	--

			<p>nhắc nhở.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuyên truyền tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân, giáo viên và học sinh về kiến thức phòng ngừa thảm họa và biến đổi khí hậu.
TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ CHÍNH QUYỀN			
<p>Công tác điều hành phòng chống thiên tai lụt bão còn khó khăn</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thiếu kinh phí và trang thiết bị cho việc phục vụ phòng chống thiên tai. • Sự phối kết hợp giữa các tổ chức, các ngành và người dân chưa chặt chẽ, đồng bộ trước, trong và sau thiên tai. • Việc lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã còn hạn chế. • Lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro và thích ứng với BĐKH của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa nhiều, còn hạn chế. 	<p>Có Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, có 25 người trong đội ứng phó nhanh được phân công nhiệm vụ cụ thể và phụ trách các xóm, mỗi xóm có 40 người tham gia công tác phòng chống thiên tai, đảm bảo đủ vật tư dự trữ khi có thiên tai.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cần tập huấn và trang bị cho các thành viên Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, đội thanh niên xung kích. • Cần có cơ chế chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện phòng chống thiên tai, kêu gọi nguồn lực thực hiện nhiều hơn, tốt hơn các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH. • Cần tiếp nhận và triển khai các

		<p>dự án giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng BĐKH như dự án VFD.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cần lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; các chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể xã hội. • Quan tâm các chính sách phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo gắn quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng BĐKH. • Hằng năm cần tổ chức diễn tập phòng ngừa ứng phó thảm họa.
--	--	--

Bảng 7. Phân tích TDDTBT, KN theo 5 hợp phần

4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro

4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng

Qua đánh giá, thu thập, phân tích thông tin và phỏng vấn 20 hộ dân về rủi ro thiên tai, có 19 ý kiến lo sợ sập nhà; 20 ý kiến lo sợ thiệt hại tài sản; 20 ý kiến lo sợ giảm sản lượng; 07 ý kiến lo sợ mất liên lạc; 14 ý kiến lo sợ tai nạn thương tích; 17 ý kiến lo sợ chết người, 13 ý kiến lo sợ chết cây trồng, 13 ý kiến lo sợ chết vật nuôi và 4 ý kiến lo lắng mất đất sản xuất. Do vậy, Nhóm đánh giá nhận diện các vấn đề

quan tâm của cộng đồng xã Hải Phúc trên ba lĩnh vực: an toàn, sản xuất kinh doanh, sức khỏe và vệ sinh môi trường sau đây:

❖ Về an toàn tính mạng và tài sản trước thiên tai như: vỡ đê biển, đê sông khi có cấp độ mưa bão lớn (bão gió mạnh từ cấp 10 trở lên) kết hợp nước biển dâng cao là vấn đề người dân hết sức lo lắng. Bên cạnh đó, phương tiện cảnh báo thiên tai còn yếu và thiếu; kiến thức kỹ năng, phương tiện cứu hộ cứu nạn cho lực lượng cứu hộ và người dân cũng thiếu thốn, khó khăn, hộ dân sống vùng trũng thấp, tiếp giáp đê biển, đê sông chiếm tỷ lệ khá đông và có nhà ở chưa kiên cố, xuống cấp nhiều, nhu cầu sơ tán với số lượng lớn, đặc biệt là người già, trẻ em, các đối tượng dễ bị tổn thương khác cần được giúp đỡ sơ tán trước và phải trú ẩn thời gian dài hơn tại các trường học trong xã. Nhưng thực trạng các trường học đang có sự bất cập về công trình vệ sinh và nước sạch chưa đáp ứng nhu cầu thường ngày cho giáo viên và học sinh, khi thiên tai càng không thể đủ điều kiện phục vụ cho số lượng lớn người sơ tán trú ẩn.

❖ Sản xuất kinh doanh xã Hải Phúc chủ yếu là trồng lúa, chăn nuôi, trồng màu, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đều chịu ảnh hưởng, tác động thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Trồng lúa hai vụ bắp bệnh do thời tiết khắc nghiệt, phát sinh dịch bệnh, côn trùng phá hại mùa màng. Diện tích trồng lúa có từ 30% (140 ha) thường ngập úng vụ mùa và nhiễm mặn vụ chiêm xuân. Nhưng người dân có kinh nghiệm thực hiện chuyển đổi mùa vụ giống cây trồng tránh thiên tai nên giữ được năng suất, sản lượng lương thực đảm bảo đủ ăn, có tích lũy dự trữ và góp phần cung cấp lương thực ra ngoài tỉnh.

- Thực trạng diện tích đất trồng màu vụ đông trên đất hai lúa có hiệu quả, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông nhàn và ngoài độ tuổi lao động như: người già, trẻ em tham gia phát triển kinh tế gia đình, tăng thêm thu nhập cải thiện đời sống nhưng cũng đối mặt với rủi ro thiên tai.

- Chăn nuôi là nghề truyền thống, giải quyết lao động nông nhàn, tận dụng thức ăn dư thừa, lấy công làm lãi. Chăn nuôi còn nhỏ lẻ, chăn nuôi gia trại chưa nhiều, thiếu bền vững, rủi ro dịch bệnh, lãi thấp, đang có xu hướng giảm về số lượng, nhiều gia trại do dịch bệnh, thua lỗ nên đã dẫn đến bỏ trống chuồng trại. Một bộ phận người dân duy trì chăn nuôi giúp tăng thu nhập và kết hợp lấy phân bón cây trồng.

- Nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi tôm bán công nghiệp là lĩnh vực đầu tư vốn lớn, thu nhập khá, giải quyết được nhiều lao động có việc làm nhưng luôn bị ảnh hưởng thời tiết, khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh ở tôm, cá, rủi ro cao.

- Nghề đánh bắt hải sản ven sông, ven biển với phương tiện đánh bắt thô sơ chủ yếu bằng thuyền nhỏ, do tác động biến đổi khí hậu và ý thức của người dân nên nguồn lợi hải sản trên sông ngày càng cạn kiệt, dẫn đến đánh bắt hải sản thu nhập thấp so với trước, thiếu ổn định bền vững.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đang mở ra nhưng chưa nhiều, đầu ra còn khó khăn, chưa tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ cho người lao động địa phương, ít rủi ro thiên tai, thu nhập khá, góp phần thu nhập đáng kể của xã. Nhưng thực trạng việc làm không ổn định, thu nhập bấp bênh, lao động thiếu việc làm còn nhiều, hằng năm có khoảng 700 - 800 lao động trong xã phải đi làm ăn xa (ngoài địa phương) để kiếm sống.

- ❖ Rác thải, nước thải, phân thải làm ô nhiễm môi trường và chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt chưa đảm bảo ảnh hưởng sức khỏe, dịch bệnh dễ xảy ra ở người và vật nuôi.

4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương

S T T	Vấn đề	Cụm 1	Cụm 2	Cụm 3	Xếp hạng toàn xã
1	Người dân lo lắng về an toàn tính mạng, tài sản khi có thiên tai	1	1	1	Hạng 1
2	Người dân thiếu thông tin cảnh báo thiên tai dẫn đến nguy hiểm tính mạng	3	2	2	Hạng 2
3	Thiếu kiến thức, kỹ năng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn trong thiên tai ảnh hưởng đến công tác ứng cứu khi có tình huống xảy ra	2	3	3	Hạng 3
4	Thiệt hại trồng lúa, trồng màu ảnh hưởng thu nhập đời sống	4	4	4	Hạng 4
5	Thiệt hại chăn nuôi ảnh hưởng đến thu nhập đời sống	5	5	6	Hạng 5
6	Nuôi trồng thủy hải sản có nguy cơ rủi ro mất vốn ảnh hưởng đến đời sống	6	6	5	Hạng 6
7	Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe đời sống nhân dân	7	8	7	Hạng 7
8	Nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt không đảm bảo chất lượng ảnh hưởng đời sống nhân dân	8	7	8	Hạng 8

Bảng 8. Xếp hạng các vấn đề ưu tiên của cộng đồng

Từ 8 vấn đề bức xúc của người dân nêu trên hợp thành 5 vấn đề lớn dưới đây:

4.3. Vấn đề, nguyên nhân

4.3.1. Vấn đề 1

Người dân lo lắng không an toàn tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).

Nguyên nhân: Đê biển có cao trình đê thấp, đê sông chủ yếu là đê đất (mới đổ bê tông mặt 1/3,5 km) dễ vỡ khi có mưa bão lớn, kết hợp với nước biển dâng cao tràn đê; có hơn 1.600 người ở xóm 1, 2, 3, 4 vùng trũng thấp, tiếp giáp đê biển, đê sông nhưng nhà bán kiên cố, xuống cấp không an toàn trước thiên tai. Người dân còn chủ quan trong phòng chống lụt bão, hiểu biết về kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai còn hạn chế. Hệ thống thông tin cảnh báo sớm thiếu và yếu (hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, thiếu cụm loa, chưa có âm ly lưu động, loa cầm tay, tại các vùng xung yếu); lực lượng ứng phó chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng và trang bị phương tiện cứu hộ cứu nạn. Nơi sơ tán chủ yếu là trường học, nhưng công trình vệ sinh, nước sạch trường học xuống cấp và thiếu, điện trường học lúc có thiên tai xảy ra bị mất nhưng chưa có máy phát điện gặp khó khăn cho nhu cầu trú ẩn an toàn trong thiên tai.

4.3.2. Vấn đề 2

Người dân lo lắng nghề trồng lúa, trồng màu thu nhập thấp không đảm bảo đời sống.

Nguyên nhân: Do thời tiết cực đoan thất thường, sâu bệnh cây trồng, phân bón, thuốc trừ sâu kém chất lượng; có 30% (140 ha) diện tích trồng lúa thường bị ngập úng vụ mùa, nhiễm mặn vụ chiêm xuân; chưa có hệ thống tưới tiêu riêng cho cây trồng, thường bị ảnh hưởng làm tăng nhiễm mặn đất trồng lúa và trồng màu do nguồn nước thải từ ao, đầm nuôi tôm bán công nghiệp; giá cả vật tư cho sản xuất cao, giá nông sản thấp; chưa qui hoạch cánh đồng mẫu lớn, thiếu mô hình trình diễn áp dụng khoa học kỹ thuật sản xuất lúa và màu giảm chi phí, tăng sản lượng, tạo thêm thu nhập cho nghề trồng lúa và làm màu vụ đông trên đất hai lúa.

4.3.3. Vấn đề 3

Nhân dân lo lắng thiệt hại chăn nuôi, ảnh hưởng đến thu nhập đời sống.

Nguyên nhân: Thời tiết thay đổi thất thường, nắng nóng, rét đậm, bão, lụt, chuồng trại chưa phù hợp gây dịch bệnh, nước cuốn trôi vật nuôi; giá cả thức ăn và con giống cao, giá bán thấp, người chăn nuôi chưa có lãi, thu nhập thiếu ổn định.

4.3.4. Vấn đề 4

Nhân dân lo lắng thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi tôm bán công nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập.

Nguyên nhân: Thời tiết khắc nghiệt nắng mưa bất thường, ô nhiễm nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp (thuốc trừ sâu, chất thải,...), chưa có hệ thống kênh mương riêng dẫn nước ra vào phục vụ cho nuôi trồng thủy hải sản; ao, đầm nuôi trồng thấp, thiếu kiên cố; thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật; con giống không đảm bảo chất lượng do không có cơ sở bán con giống tại địa phương, phải mua từ nơi khác về không kiểm soát được dịch bệnh.

4.3.5. Vấn đề 5

Người dân lo lắng ảnh hưởng đến sức khỏe do ô nhiễm môi trường và chất lượng nước sinh hoạt chưa đảm bảo.

Nguyên nhân: Rác thải; chất thải chăn nuôi hộ gia đình, gia trại xen kẽ khu dân cư; nhà vệ sinh chưa hợp vệ sinh còn cao, rác thải thu gom tại bãi chưa được xử lý hợp vệ sinh, tần suất thu gom rác còn ít, chưa có thùng rác đặt tại các khu dân cư. Thực trạng nước ăn uống và sinh hoạt từ nguồn nước giếng khoan nhiễm phèn, nhiễm sắt cao.

4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro (xem phụ lục 8).

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận 1

Nhân dân lo lắng thiệt hại tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).

Khuyến nghị 1

Đối với chính quyền địa phương:

- Xã cần đề xuất với cấp trên có dự án đầu tư nâng cấp cao trình đê biển, kè kiên cố đê sông, để chống chịu được bão lớn và nước biển dâng cao.

- Đẩy mạnh việc thi công và sớm hoàn thành đưa vào sử dụng đường cứu hộ các xóm nguy cơ cao 1, 2, 3, 4 đảm bảo việc di dời dân được an toàn thuận lợi trong mùa mưa bão tới.

- Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh, lắp thêm các cụm loa tại các vùng xa trung tâm xã, cung cấp trang thiết bị âm ly lưu động, loa cầm tay và các trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa cho xã, các xóm như: thuyền, phao, áo phao, áo mưa, ủng, mũ bảo hiểm, cưa máy và các thiết bị khác cho phòng ngừa ứng phó thảm họa. Đồng thời lắp đặt các bảng tin, biển cảnh báo về thiên tai ở các xóm, đoạn đường, đê kè xung yếu, vùng có nguy cơ rủi ro cao nhằm cảnh báo sớm thiên tai, thảm họa cho người dân chủ động phòng chống.

- Sớm khảo sát đánh giá thực trạng công trình vệ sinh, nước sạch tại các trường học để có kế hoạch kêu gọi nguồn kinh phí nâng cấp mở rộng đáp ứng nhu

cầu cho học sinh và giáo viên có tính đến nhu cầu số lượng người sơ tán đến trường khi có thiên tai. Đồng thời mua sắm và lắp đặt máy phát điện tại các trường học phòng khi mất điện có máy phát điện phục vụ điểm sơ tán dân an toàn.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tìm kiếm nguồn lực tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho cán bộ lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã, Hợp tác xã, Trưởng xóm, tình nguyện viên, giáo viên và học sinh. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về PNUPTH cho người dân nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, thảm họa và thích ứng BĐKH.

- Vận động nhân dân chủ động đầu tư nâng cấp nhà ở an toàn. Đặc biệt đối với các hộ dân xóm 1, 2, 3, 4 trũng thấp và giáp biển, giáp sông thường xuyên đối mặt với gió bão, nước biển dâng cần được nâng cấp kiên cố nhà ở và nâng cao nền nhà vượt mức ngập lụt. Kêu gọi nguồn tài trợ kinh phí xây dựng mô hình nhà ở hộ dân an toàn trước thiên tai phù hợp với địa phương để người dân làm theo (có thể xây theo mẫu nhà phòng chống lụt bão của Bộ Xây dựng). Có kế hoạch với nhiều giải pháp hỗ trợ người dân vay vốn sửa chữa nâng cấp nhà ở an toàn, nhất là hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo, cận nghèo qua nhiều nguồn lực ủng hộ giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài địa phương, của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các tôn giáo, nhà tài trợ theo mục tiêu chương trình dự án để họ có cơ hội cải thiện nhà ở an toàn.

- Thông tin cảnh báo kịp thời cho người dân không được khai thác đánh bắt hải sản trên sông khi có gió bão, đề phòng chìm thuyền ảnh hưởng tính mạng, mất tài sản, lưới cụ. Đối với các hộ nuôi tôm bán công nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản khác như nuôi cá nước lợ, ngọt có biện pháp trông coi ao đầm an toàn về tính mạng và tài sản trước thiên tai.

- Phát động phong trào học bơi trong trường học và ngoài cộng đồng, chủ động bảo vệ tính mạng không để đuối nước xảy ra bằng việc thường xuyên luyện tập bơi lội, nâng tỷ lệ người biết bơi lên, nhất là trẻ em; Cần có qui hoạch hồ giữ sạch môi trường làm nơi tập bơi cho cộng đồng, xây bể bơi trong trường học, tạo điều kiện trẻ em học bơi. Các trường học cần đưa môn học bơi vào môn học luyện tập thể dục thể thao, thiết thực hưởng ứng chủ trương của Bộ Giáo dục, Đào tạo về dạy bơi cho học sinh vùng lũ lụt.

Đối với cộng đồng:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai.

- Hướng dẫn người dân chủ động dự trữ lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, chằng chống nhà cửa, kê đồ đạc lên cao, chăm sóc người già, trẻ em, người khuyết tật khi có bão, lụt và sẵn sàng sơ tán đến nơi trú ẩn an toàn.

- Phát huy tinh thần đoàn kết cộng đồng tương thân tương ái, giúp nhau trong phòng ngừa ứng phó thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất về rủi ro thiên tai, thảm họa.

- Đóng góp nguồn lực vật chất cùng với chính quyền triển khai các biện pháp giảm thiểu rủi ro ngay tại cộng đồng giải quyết những bức xúc và cấp thiết tại các khu dân cư như nâng cấp mở rộng đường cứu hộ, hoặc công trình phục vụ nơi sơ tán dân, xây dựng bể bơi, nâng cao năng lực phòng ngừa ứng phó thiên tai.

- Giữ gìn làm sạch môi trường các sông, ao, hồ nhất là khu vực được dự kiến làm điểm học bơi cho cộng đồng.

5.2. Kết luận 2

Người dân lo lắng thiệt hại trồng lúa và trồng màu ảnh hưởng thu nhập thấp, đời sống thiếu ổn định.

Khuyến nghị 2

Đối với chính quyền địa phương:

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về khoa học kỹ thuật trồng lúa, tìm giống phù hợp.

- Khảo sát xác định diện tích trồng lúa giảm năng suất do nhiễm mặn và ngập úng đề nghị Chính quyền cấp trên cho phép và có chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi sang nuôi trồng thủy hải sản hoặc trồng màu.

- Theo dõi sát dự báo thời tiết khí hậu, xây dựng lịch mùa vụ, kế hoạch chuyển đổi giống cây trồng giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Thường xuyên phát động phong trào toàn dân diệt chuột, thu gom ốc bươu vàng hại lúa (có chính sách thu mua đuôi chuột, ốc bươu vàng).

- Hướng dẫn người dân phòng trừ sâu bệnh ở lúa và màu theo qui trình 4 đúng (đúng thuốc, đúng liều, đúng thời điểm, đúng kỹ thuật). Đề nghị các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra chất lượng phân bón, thuốc trừ sâu; hướng dẫn nhân dân sử dụng phân bón thuốc trừ sâu có nhãn, mác, đảm bảo chất lượng. Kiên quyết xử phạt các hành vi buôn bán phân bón, thuốc trừ sâu không đảm bảo chất lượng.

- Cần có qui hoạch thực hiện cánh đồng mẫu lớn, xây dựng các mô hình trình diễn áp dụng khoa học kỹ thuật trồng lúa, trồng màu giảm chi phí, giảm thiệt hại do thiên tai, tăng sản lượng và góp thêm thu nhập ổn định đời sống nhân dân.

- Tiếp tục cứng hóa 50% đường nội đồng phục vụ sản xuất thuận lợi; quy hoạch và có hệ thống thủy lợi riêng cho phục vụ tưới tiêu lúa, cây màu không bị ảnh hưởng nguồn nước nhiễm mặn đối với lúa và màu do nước thải từ ao, đầm nuôi trồng thủy hải sản (nuôi tôm bán công nghiệp).

Đối với cộng đồng:

- Phổ biến và trao đổi những kinh nghiệm, nhân rộng mô hình trồng lúa gieo sạ thay cây cho nhân dân áp dụng trồng lúa tiết kiệm chi phí, có hiệu quả; chia sẻ kinh nghiệm phòng trừ sâu bệnh, diệt chuột, thu gom ốc bươu vàng có hiệu quả.

- Hướng dẫn nhân dân thực hiện lịch mùa vụ, chuyển đổi giống cây trồng theo khuyến cáo của chính quyền địa phương.

5.3. Kết luận 3

Thiệt hại chăn nuôi, ảnh hưởng đến thu nhập đời sống người dân.

Khuyến nghị 3

Đối với chính quyền địa phương:

- Quan tâm khuyến khích mô hình chăn nuôi trang trại bằng cách có quy hoạch đất xây dựng trang trại chăn nuôi xa khu dân cư theo mô hình hợp vệ sinh, giảm phát thải ô nhiễm môi trường; khuyến khích các tổ chức cá nhân liên kết vốn, tổ chức nhiều cơ sở dịch vụ thú y, cung cấp giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm thuận lợi.

- Thường xuyên tổ chức hội nghị, tập huấn, hội thảo chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chăn nuôi cho người dân và hội nghị biểu dương cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi giỏi, làm ăn có hiệu quả để động viên, nhân rộng mô hình.

- Tổ chức tốt dịch vụ thú y đến với hộ chăn nuôi, thực hiện đều đặn công tác tiêm phòng, ngừa dịch bệnh và dập dịch kịp thời khi có bệnh dịch ở gia súc gia cầm xảy ra. Đồng thời tư vấn, hướng dẫn nhân dân làm chuồng, trại chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, thích nghi với mùa nắng nóng và mùa đông, giảm thiểu rủi ro do thiên tai dịch bệnh như ngập lụt chuồng trại, gia súc gia cầm bị cuốn trôi, hoặc vật nuôi bị dịch bệnh do thời tiết khí hậu nắng nóng, rét đậm, rét hại, thiết thực khôi phục lại nghề chăn nuôi truyền thống của địa phương có hiệu quả bền vững, góp phần giải quyết lao động nông nhàn, tạo thêm thu nhập cải thiện đời sống đồng thời thực hiện chăn nuôi kết hợp với cây trồng (trong đó chăn nuôi tạo lượng phân bón cây trồng, sử dụng sản phẩm cây trồng chế biến thức ăn cho vật nuôi).

Đối với cộng đồng:

- Vận động hộ chăn nuôi thực hiện đoàn kết giúp nhau về vốn, giống, kiến thức, kinh nghiệm chăn nuôi, kinh nghiệm chăm sóc phòng chống dịch. Khi có dịch ở vật nuôi cần kịp thời báo với cán bộ thú y để tư vấn chăm sóc, chữa trị và dập dịch kịp thời.

- Thực hiện vệ sinh chuồng trại, chăn nuôi hợp vệ sinh, giảm phát thải ô nhiễm môi trường, phòng ngừa dịch bệnh vật nuôi.

5.4. Kết luận 4

Nuôi trồng thủy hải sản là nghề đầu tư lớn nhưng cũng chịu nhiều rủi ro.

Khuyến nghị 4

Đối với chính quyền địa phương:

- Cần sớm quy hoạch nuôi trồng thủy hải sản, tạo điều kiện làm kênh mương riêng dẫn nước vào ra ao, đảm bảo tránh ô nhiễm nguồn nước do nhiễm thuốc trừ sâu, chất thải gây thiệt hại về sản lượng tôm, cá từ nước trồng lúa, trồng màu.

- Tổ chức tuyên truyền cho người dân có kiến thức khoa học kỹ thuật về nuôi trồng thủy hải sản, tổ chức nhiều hơn các hình thức tập huấn, hội thảo, hội nghị, cung cấp tài liệu giới thiệu kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi trồng thủy hải sản có hiệu quả.

- Cần có chủ trương, chính sách cho thuê đất dài hạn, cho vay vốn lãi suất thấp, thực hiện miễn giảm thuế nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương liên kết vốn, kỹ thuật sản xuất con giống các loài thủy hải sản tại địa phương và dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi trồng thủy hải sản, tiêu thụ sản phẩm đầu ra thuận lợi. Trước mắt giới thiệu các nhà cung cấp con giống chất lượng tốt ở ngoài địa phương cho người dân có nhiều cơ hội lựa chọn giống đạt chuẩn để nuôi trồng phòng tránh dịch bệnh; tạo điều kiện cung cấp con giống đảm bảo chất lượng, có khả năng miễn dịch cao. Thực hiện cho vay vốn tạo điều kiện hộ nuôi trồng thủy hải sản có kinh phí gia cố ao đầm chịu được tác động thiên tai, giảm thiểu thiệt hại.

- Quan tâm tổ chức các lớp tập huấn cho các hộ nuôi trồng thủy hải sản về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, cung cấp thông tin, cảnh báo sớm và hướng dẫn các biện pháp an toàn ao, đầm trước thiên tai. Thực hiện thông tin cảnh báo sớm thiên tai và diễn biến thiên tai để nhân dân chủ động biện pháp an toàn về người, và an toàn ao đầm nuôi trồng thủy hải sản.

Đối với cộng đồng:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai kịp thời cho hộ nuôi trồng thủy hải sản bằng nhiều cách, chú trọng cảnh báo qua tin nhắn điện thoại di động.

- Phát huy tinh thần đoàn kết bảo vệ ao, đầm an toàn, sẵn sàng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.

- Chia sẻ kinh nghiệm xử lý ao đầm vệ sinh, cho thức ăn vừa đủ xuống ao đầm, cách xử lý rong rêu chết gây ô nhiễm ao đầm có hiệu quả, phòng ngừa dịch bệnh tôm, cá.

5.5. Kết luận 5

Nhân dân lo lắng ô nhiễm môi trường, nguồn nước ăn, uống, sinh hoạt không đảm bảo ảnh hưởng sức khỏe.

Khuyến nghị 5

Đối với chính quyền địa phương:

- Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về giữ gìn vệ sinh, tích cực tham gia thu gom và xử lý rác thải hợp vệ sinh. Sớm có biện pháp xử lý rác thải tập trung hợp vệ sinh, tăng tần suất thu gom rác, đặt các thùng rác tại khu dân cư, tránh tình trạng rác thải tồn đọng tại hộ gia đình, khu dân cư gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng sức khỏe người dân. Về lâu dài xã có kế hoạch hướng dẫn tuyên truyền nhân dân và tổ chức thu gom rác thải có phân loại và xử lý rác thải phù hợp; khuyến khích hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn, tạo cơ sở tăng khối lượng rác tái chế, đồng thời giúp giảm áp lực xử lý rác bằng biện pháp chôn lấp, phát huy tính sáng tạo đối với việc tái chế chất thải thành những sản phẩm hữu ích cho xã hội. Cần xây dựng các mô hình và vận động nhân dân thu gom rác thải bao bì, chai lọ thuốc trừ sâu đúng nơi qui định, tránh gây ô nhiễm thuốc trừ sâu ảnh hưởng đến nguồn nước nuôi trồng thủy hải sản.

- Hỗ trợ hộ nghèo và cận nghèo có điều kiện làm hố xí hợp vệ sinh. Chủ động kêu gọi nguồn kinh phí thông qua các Hội, đoàn thể, nhà tài trợ để hỗ trợ các hộ chăn nuôi có điều kiện làm hầm bi-ô-ga xử lý phân vật nuôi hợp vệ sinh, có khí đốt dùng trong hộ dân, tiết kiệm chi phí chất đốt, cùng với việc hướng dẫn người dân làm hố ga xử lý nước thải hợp vệ sinh làm sạch môi trường, phòng ngừa bệnh dịch xảy ra từ ô nhiễm môi trường. Về lâu dài nên có quy hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải công cộng, xây dựng các mô hình xử lý nước thải, chất thải chăn nuôi hợp vệ sinh. Trước mắt cần quy hoạch và vận động nhân dân xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, giảm phát thải ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân.

- Thực trạng nước dùng từ giếng khoan để ăn, uống và sinh hoạt chưa đảm bảo chất lượng nhưng người dân chưa biết. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân cho rằng nước giếng khoan có nhiều tạp chất (nước để có lắng cặn, màu vàng) nên cần có kiến nghị ngành chức năng gửi xét nghiệm mẫu nước để có khuyến cáo cho người dân cách xử lý và dùng nước hợp vệ sinh đảm bảo sức khỏe. Đồng thời có kế hoạch tuyên truyền cho người dân tiết kiệm nước ngay từ bây giờ bằng cách hướng dẫn dự trữ, bảo quản và sử dụng nước mưa hợp vệ sinh, khai thác mạch nước ngầm hợp lý, thí điểm và hướng dẫn mô hình xây bể lọc nước sạch hộ gia đình, cộng đồng, trường học hợp vệ sinh. Đồng thời sớm có kế hoạch xây dựng đề án cung cấp nước sạch tập trung cho người dân trong tương lai gần.

Đối với cộng đồng:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải, nước thải, phân chăn nuôi gia súc gia cầm và làm hố xí hợp vệ sinh phòng chống các bệnh dịch xảy ra ở người lây qua đường nước, vệ sinh môi trường.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ✚ Báo cáo “*kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014*” số 28/BC-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2013 xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
- ✚ Báo cáo “*Tổng kết công tác phòng chống lụt bão năm 2013*” số 13/BC-UBND, của UBND xã Hải Phúc ngày 24 tháng 4 năm 2013.
- ✚ “*Phương án phòng chống lụt, bão, cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ tài sản của tập thể và nhân dân trên địa bàn xã Hải Phúc*”, số 1/PA-UBND của UBND xã Hải Phúc, ngày 05 tháng 4 năm 2014.
- ✚ Báo cáo “*tổng kết của Hội Phụ nữ xã năm 2012 và 2013*”.
- ✚ Sổ tay dành cho hướng dẫn viên đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam GPXB số 77/GP-CXB ngày 29/8.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ VCA

Thành viên Nhóm đánh giá VCA

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức danh
01	Bà Hoàng Thị Huyền	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	<i>Trưởng nhóm</i>
02	Ông Đới Văn Quang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
03	Ông Nguyễn Văn Hậu	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
04	Ông Trần Quốc Đại	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
05	Bà Trần Thị Mai	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
06	Bà Cao Thị Giang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật:

- Ông Trần Đình Ký, Tập huấn viên VCA cấp Quốc gia, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
- Bà Đinh Thị Minh Nguyệt, Cán bộ dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

Nhóm hỗ trợ hậu cần:

Nguyễn Văn Trọng, nhân viên phục vụ văn phòng UBND xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

PHỤ LỤC 2: BẢNG PHÂN TÍCH SWOT

Xã Hải Phúc

SINH KẾ	
ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<p><i>Sinh kế của xã đa dạng ngành nghề, lao động cơ bản có việc làm tăng thu nhập, ổn định đời sống nhân dân và tạo điều kiện phát triển kinh tế - văn hóa xã hội của xã.</i></p> <p>❖ Nghề trồng lúa sản xuất 2 vụ trong năm đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp lương thực trong và ngoài địa phương</p> <p>Trồng lúa 2 vụ với diện tích 466,84 ha, trồng màu trên đất 2 lúa vụ đông 46 ha. Có khoảng 80% số hộ trồng lúa trong đó lao động chính là nữ chiếm 70%. Hệ thống kênh mương đảm bảo để phục vụ cho sản xuất, có 2 trạm bơm để cung cấp nước tưới. Năng suất lúa vụ chiêm xuân đạt 72,47 tạ/ha (trong đó HTX Hưng Đạo đạt 73,5 tạ/ha; HTX Phong Phú đạt 71 tạ/ha). Năng suất vụ mùa đạt 41,01 tạ/ha. Thu nhập bình quân 2 tạ/sào/vụ (khoảng 100.000đ/sào/vụ). Có khoảng 4 máy cày to, 23 máy cày nhỏ, 5 máy gặt, 12 máy tuốt lúa phục vụ sản xuất. Ở địa phương có 2 HTX và 9 cơ sở tư nhân cung cấp giống lúa, vật tư phục vụ cho sản xuất (trong đó có 6 cơ sở dịch vụ cung cấp phân bón và 3 cơ sở thuốc trừ sâu). Có tổ nhóm đôi công cho nhau khi gặt và cấy lúa. Người dân được tập huấn kỹ thuật trồng lúa và đưa các giống lúa mới như lúa tạp giao, BC15, tám cho năng suất cao. Có 1 cơ sở thu mua lúa để cung cấp cho các tỉnh trong nước.</p> <p>❖ Nghề nuôi trồng thủy hải sản của xã được duy trì và phát triển, đặc biệt là nuôi tôm thẻ chân trắng nước lợ và nước ngọt, ngao, cá nước ngọt.</p> <p>Diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 60 ha, trong đó xóm 1, 2, 3, 4, 5 đã chuyển 19,5 ha lúa sang nuôi trồng thủy sản theo qui hoạch. Có 39 hộ nuôi trồng thủy hải sản trong đó có 9 hộ nuôi hải sản nước mặn thu nhập khoảng 400 triệu/ha/năm. Nuôi thủy sản nước ngọt thu nhập bình quân 250 triệu/ha/năm. Các hộ nuôi trồng thủy sản được Ngân hàng Nông nghiệp cho vay vốn sản xuất và được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi. Sản phẩm cung cấp cho các tỉnh trong nước.</p>	<p>- Diện tích trồng lúa xóm 1, 2, 3, 4 bị ngập úng và nhiễm mặn do vùng đất trũng (140 ha). Còn 7/12 xóm đường giao thông nội đồng đi lại gặp nhiều khó khăn. Diện tích trồng lúa các xóm 1, 2, 3, 4 bị nhiễm mặn (do nguồn nước mặn từ nuôi trồng thủy sản).</p> <p>- Chưa qui hoạch xây dựng cánh đồng mẫu lớn, chưa có mô hình trình diễn thí điểm chi phí giảm, năng suất cao, thu nhập trồng lúa có lãi.</p> <p>- Hệ thống thủy lợi còn chung với hệ thống thủy lợi nuôi trồng thủy hải sản, ảnh hưởng nước thải nuôi tôm công nghiệp gây hại lúa, đất nhiễm mặn ngày càng tăng thêm.</p> <p>Giá cả sản phẩm không ổn định, giống nhập nơi khác về chưa được kiểm nghiệm chất lượng. Một số hộ nuôi tôm nước lợ nguồn nước gặp khó khăn.</p>

<p>❖ Chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan được người dân tích cực duy trì, sản phẩm cung cấp cho địa phương. Có 15 gia trại, mỗi gia trại nuôi từ 50 - 100 con, thu nhập bình quân khoảng 50 triệu/năm. Có khoảng 10% hộ nuôi lợn, 40% hộ nuôi gà. Xã có cán bộ thú y, có 2 cơ sở dịch vụ cung cấp thức ăn và thuốc chữa bệnh cho vật nuôi.</p> <p>❖ Nghề trồng màu cung cấp sản phẩm cho địa phương, góp phần tăng thu nhập đời sống. Chủ yếu người dân các xóm 1, 2, 3 trồng các loại rau, dưa, cà chua trên đất vườn của các hộ gia đình (khoảng 46 ha). Thu nhập khoảng 400.000đ/năm.</p> <p>❖ Nghề đánh bắt hải sản Có 50 thuyền nhỏ với 50 lao động thường xuyên tham gia đánh bắt ven sông, thu nhập bình quân từ 200 đến 300.000 đồng/người/ngày.</p> <p>❖ Tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tạo việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân Nghề thợ hàn: Có 6 cơ sở, mỗi cơ sở khoảng 3 - 4 lao động. Nghề thợ mộc: có 3 xưởng, mỗi xưởng có 4 lao động. Thu nhập bình quân 2 nghề khoảng 4 triệu/tháng. Có 1 công ty may tại xóm 1 khoảng 250 lao động và có 2 cơ sở may khoảng 30 người, thu nhập bình quân khoảng 2 triệu/tháng. Đi làm ăn xa chủ yếu là thợ xây và thợ mộc khoảng 500 lao động trong đó nam chiếm 70%. Kinh doanh dịch vụ có khoảng 30 hộ, thu nhập bình quân khoảng 4 triệu/tháng.</p>	<p>Các xóm chưa có cán bộ thú y, dịch bệnh nhiều, giá đầu ra thấp, vốn đầu tư cao.</p> <p>Phương tiện đánh bắt thuyền nhỏ.</p> <p>Nghề may thu nhập không ổn định.</p>
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<p>Các hộ nuôi trồng thủy sản được Ngân hàng Nông nghiệp cho vay vốn sản xuất và được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Do dịch bệnh (sâu bệnh ở cây trồng và bệnh dịch ở vật nuôi). - Thiên tai, biến đổi khí hậu, nhiễm mặn, sương muối, ảnh hưởng bão lụt gây ngập úng. - Giá vật tư cao, giá nông sản thấp.
ĐIỀU KIỆN SỐNG CƠ BẢN	
ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> - Trên địa bàn xã có 69,5% nhà kiên cố và bán kiên cố (1.368/1.966 nhà). - 70% hệ thống đường điện đảm bảo an toàn. Hiện có 5 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong xã vẫn còn 27,2% (535/1.966) nhà bán kiên cố và 2,8% (57/1.966) nhà tạm.

<p>trạm biến áp cung cấp điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đường giao thông đi lại trong xóm chiếm 99% và 50% đường giao thông nội đồng đã được bê tông hóa. - Đường cứu hộ tại xóm 1 đang dần được hoàn thành. - Có 2 khu trường mầm non gồm 10 lớp, 29 giáo viên và 392 học sinh; 1 trường Tiểu học gồm 12 lớp, 22 giáo viên, 370 học sinh; 1 trường THCS gồm 8 lớp, 25 giáo viên, 320 học sinh. - Trạm y tế xã đạt chuẩn có 1 bác sỹ, 1 y sỹ, 1 điều dưỡng, 1 nữ hộ sinh, 1 dược sỹ. - Có đội thu gom rác 2 lần/tuần. - 89,7% hộ dân có hồ xí đảm bảo vệ sinh. - 100% hộ dân sử dụng nước mưa và giếng khoan đảm bảo. - 100% hệ thống thoát nước trong khu dân cư đã được xây dựng đảm bảo vệ sinh và tiêu thoát nước - Trong xã có 71% người dân tham gia bảo hiểm y tế 	<ul style="list-style-type: none"> - 30% hệ thống đường điện chưa đảm bảo; thiếu 2 trạm biến áp nên điện xóm 3 và xóm 8 thường bị tụt áp không đáp ứng cho điện sinh hoạt và điện sản xuất nuôi trồng thủy hải sản. - 50% đường giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa. - Hệ thống loa truyền thanh chưa đáp ứng đầy đủ, thiếu 10 cụm loa. - Trường Tiểu học nhà vệ sinh bị xuống cấp, thiếu nhà vệ sinh giáo viên và thiếu một số trang thiết bị của phòng chức năng. - Trường Mầm non còn thiếu phòng học. - Trạm y tế còn thiếu một số trang thiết bị. - Rác thải tập trung chưa được xử lý. - Tỷ lệ sinh con thứ 3 là 14%.
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<p>Duy trì và giữ vững các tiêu chí đã đạt được trong đề án xây dựng nông thôn mới.</p>	<p>Điều kiện thời tiết khắc nghiệt do biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến đời sống người dân ven biển.</p>
SỰ TỰ BẢO VỆ VÀ BẢO VỆ XÃ HỘI	
ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<p>❖ Cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một xã ven biển nên tỷ lệ người dân biết bơi trong địa bàn xã chiếm tới 30% người dân. - Người dân luôn đoàn kết, chủ động chằng chống nhà cửa, bảo vệ tài sản và tính mạng khi có mưa bão xảy ra <p>❖ Hộ gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm bắt thông tin qua các phương tiện như loa truyền thanh, truyền hình, đài radio khi có bão xảy ra. 100% các hộ gia đình có tivi và khoảng 50% các hộ gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn 70% người dân, chủ yếu là người già, trẻ em và phụ nữ là không biết bơi. - Trong xã chưa có quy hoạch khu bể bơi chủ yếu là tập bơi trong ao hồ, sông và biển nhưng hiện nay không đảm bảo vệ sinh và không đảm bảo an toàn cho người dân tập bơi - Người dân chưa được tham gia các lớp tập huấn, diễn tập về phòng ngừa và ứng phó với biến đổi khí hậu - Một số hộ gia đình còn chủ quan trong việc theo dõi thông tin thời tiết và bị động trước các thông tin báo

<p>đình có đài radio.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có bão xảy ra, gia đình tự chằng chống nhà cửa, di dời đến khu tránh trú an toàn khi có thông báo của chính quyền địa phương (người già, trẻ em và những người sức khoẻ yếu di dời trước). - Chủ động chuẩn bị phương tiện, lương thực, thực phẩm, và các trang thiết bị cần thiết khi có mưa bão. <p>❖ Bảo vệ xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có thiên tai xảy ra địa phương cung cấp thông tin cảnh báo đến người dân qua 20 cụm loa truyền thanh có dây được đặt ở khu vực trung tâm và khu vực đông dân cư của 15 xóm trong toàn xã, thời gian hoạt động liên tục trong mùa mưa bão đảm bảo 100% các hộ gia đình nắm bắt được thông tin cảnh báo. Ngoài ra còn có cán bộ các thôn xóm trực tiếp đi thông báo khi có mưa bão. - Địa phương có ban phòng chống lụt bão gồm 22 người, hàng năm có sơ kết, tổng kết và xây dựng kế hoạch phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, hoạt động theo phương châm 4 tại chỗ. - Có 1 đội dân quân tự vệ gồm 50 người hỗ trợ ứng phó kịp thời cho nhân dân khi có thiên tai xảy ra. - Ban phòng chống lụt bão có tham gia các lớp diễn tập của cấp trên tổ chức. - Chính quyền địa phương vận động và chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết khi có thiên tai xảy ra như: cọc tre (3.430 chiếc); bao tải (2.430 chiếc); cuốc, xẻng, dao (100 chiếc) chuẩn bị các phương tiện như xe ô tô, xe tải (tổng là 6 xe) và huy động các phương tiện của người dân trong tình huống phải di dời dân từ vùng nguy cơ cao vào nơi tránh trú an toàn. - Chủ động di dời dân đến nơi an toàn như nhà thờ, trường học, trụ sở UBND xã địa điểm từ vùng rủi ro đến nơi tránh trú khoảng 1km. - Hệ thống thủy lợi tưới tiêu được chính quyền địa phương chỉ đạo, tổ chức chiến dịch nạo vét thủy lợi nội đồng, khơi thông dòng chảy, tránh ách tắc và ngập úng trong mùa mưa bão. - Tuyên truyền kêu gọi nhân dân bảo vệ các công trình đê, đường trên địa bàn xã 	<p>bão.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện di dời trong gia đình còn thiếu và hạn chế, không có áo phao, phao cứu sinh. <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có hệ thống loa truyền thanh không dây và hệ thống làm chương trình phát thanh. - Công tác chỉ đạo, điều hành trong Ban chỉ huy phòng chống lụt bão còn hạn chế và tính chuyên nghiệp chưa cao. - Ban phòng chống lụt bão và lực lượng xung kích chưa được tập huấn, diễn tập về phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn thường xuyên liên tục hằng năm. - Phương tiện và trang thiết bị còn thiếu, chưa được hiện đại hóa và chưa đủ chủng loại, không có áo phao, phao cứu sinh, xuồng cứu hộ - Đường giao thông đi lại phục vụ di dời dân trong mùa mưa bão và trường hợp khẩn cấp còn gặp khó khăn. - Công tác nạo vét thủy lợi, khơi thông dòng chảy chưa được thường xuyên. - Ý thức của người dân chưa cao còn xả rác bừa bãi tại các kênh mương làm ách tắc dòng chảy, hạn chế khả năng tiêu úng khi có bão xảy ra. - Thiếu một số cầu cống và phai cống.
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> - Được nhà nước quan tâm, thường xuyên nâng cấp cải tạo tuyến đê biển và các công trình phúc lợi như điện, 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiên tai diễn ra hằng năm (bão, lụt,..).

<p>đường, trường, trạm (3,2 km đường quốc lộ 37B và 1,45 km đường đường cứu hộ).</p> <p>- Hoàn thành đề án xây dựng nông thôn mới.</p>	<p>- Thiếu kinh phí, vốn đầu tư và nhà tài trợ.</p>
<p>TỔ CHỨC XÃ HỘI, CHÍNH QUYỀN</p>	
<p>ĐIỂM MẠNH</p>	<p>ĐIỂM YẾU</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Đảng bộ xã Hải Phúc được thành lập tháng 10 năm 1960, tổng số đơn vị là 317, Ban chấp hành là 19 đồng chí, Ban thường vụ là 5 đồng chí, hiện có 20 chi bộ. - Cán bộ định biên theo quy định là 22 đồng chí. - Cán bộ bán chuyên trách là 40 đồng chí. - Trình độ đại học 8/22, cao đẳng 2/22, trung cấp 12/22. - Xã Hải Phúc đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, xây dựng kế hoạch, phương án xuống tận các thôn xóm. - Xã bố trí 25 đồng chí trong đội ứng phó nhanh, mỗi xóm cơ cấu 40 người tham gia công tác phòng chống lụt bão, đảm bảo đủ phương tiện vật chất theo kế hoạch đề ra. - Có 3,5km đê sông Sò và 320m đê biển đã được kiên cố. - Hệ thống cơ sở hạ tầng địa phương đầu tư xây dựng mới khang trang và là nơi tránh trú bão cho nhân dân. - 15/15 xóm có nhà văn hóa, địa phương và huyện hỗ trợ 38 triệu đồng/nhà (chủ yếu dân đóng góp hơn 80%). - Xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia nông thôn mới - Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, tham gia tích cực trong công tác phòng chống lụt bão, theo phân công của Ban chỉ đạo, ngoài ra tiếp quản các nguồn dự án của ngân hàng Chính sách xã hội và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 32,9 tỷ đồng. - Có làng nghề xây dựng trên địa bàn xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn 2 km đê sông Sò chưa được cứng hóa mặt đê, đê thường xuyên bị sạt lở. - Dự án đường cứu hộ xóm 1 thi công chậm tiến độ, ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh. - Hệ thống đường nội đồng chưa được bê tông hóa hết (còn 50%). - Đê Hồng Đức xuống cấp. - Bãi xử lý rác thải chưa đảm bảo dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường.
<p>CƠ HỘI</p>	<p>THÁCH THỨC</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận dự án “Rừng và đồng bằng”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đê biển, đê sông do cao trình đê thấp nên chỉ chống chịu được bão cấp 10 trở xuống, nếu bão cấp từ 12 trở lên và triều cường lên cao thì xảy ra tràn và vỡ đê.

PHỤ LỤC 4. HỒ SƠ LỊCH SỬ CỘNG ĐỒNG

Xã: Hải Phúc

Năm/ Tháng	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng thiên tai	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại cái gì	Tại sao (Nguyên nhân)	Đã làm gì để phòng chống thiên tai
Cụm 1 (xóm 1, 2, 3, 4)						
7/1962	Bão C	Gió trên cấp 12	Toàn huyện	Nhà đổ, vỡ đê, mất mùa, chết người.	Nhà tường đất, mái rạ. Nhận biết thông tin chậm.	Người dân tự chăng chống nhà cửa.
7/1962	Lụt	Ngập úng 3 - 4 ngày	Xóm 1,2,3,4	Mất mùa, thiệt hại cây trồng, vật nuôi.	Hệ thống kênh mương tiêu kém, kết hợp triều cường.	Đầu tư xây dựng cống qua đê, hệ thống kênh mương,
8/2004	Bão to	Gió giật mạnh trên cấp 12	Toàn huyện	100% nhà tốc mái.	Nhà tạm còn nhiều.	Người dân tự chăng chống nhà cửa.
8/2005	Bão to	Triều cường, sóng cao 7 - 8m	Toàn huyện	Nước biển tràn qua đê, ngập úng, nhiễm mặn, mất mùa; nhà mái ngói bị tốc mái.	Nhà bán kiên cố còn nhiều.	Sơ tán dân vào nơi an toàn; người dân tự chăng chống nhà cửa.
7/2007	Bão	Bão không to nhưng mưa lớn	Ngập 200ha đồng Phúc Hải	Lúa chết, hoa màu bị ngập úng, các phương tiện thông tin bị đổ gãy.	Cao trình đê thấp nên nước biển tràn qua.	Dân chuẩn bị bao cát, trà rào, cọc tre.
10/2012	Bão Sơn Tinh	Chỉ có 1 hướng gió, ít mưa, đường đi phức tạp	Xóm 1,2,3,4	Mất mùa 2 năm do nhiễm mặn từ nước biển tràn vào.	Cao trình đê thấp nên nước biển tràn qua.	Dân chuẩn bị bao cát, trà rào, cọc tre, dân tự chăng chống nhà cửa
11/2013	Rét đậm	Nhiệt độ thấp kéo dài kèm theo sương muối	Toàn xã	Chết cây trồng, vật nuôi.	Do tác động của biến đổi khí hậu.	Che chắn chuồng trại, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.
3/2013	Sét đánh	Cơn đen kèm theo gió lốc, mưa	Toàn xã	Cháy thiết bị điện.	Thời tiết thay đổi, mưa nắng thất thường.	Làm hệ thống chống sét.
Cụm 2 (xóm 5, 6, 7)						
7/1962	Bão C	Nước dâng	Toàn xã	Chết người, đổ nhà, tốc mái,	Nhà chưa kiên cố nhà tranh,	Chăng chống nhà cửa.

		ngập đê		mất trắng hoa màu, lúa.	vách đất còn nhiều; sức gió lớn	
T 8/1972	Bão lớn	Gió to kèm mưa lớn	Toàn xã	Vỡ đê sông Sò; 70% nhà bị tốc mái, hoa màu mất trắng.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; đê đất; sức gió lớn.	Người dân đi sơ tán.
8/1996	Bão lớn	Mưa nhiều	Toàn xã	13 nhà bị đổ, 90% nhà bị tốc mái, ruộng vườn hoa màu bị ngập.	Tỷ lệ nhà chưa kiên cố còn cao; dự báo chưa chính xác.	Sơ tán dân vào khu vực an toàn, huy động nhân dân đóng góp bao, đất đá đắp đê.
9/2005	Bão lớn	Cấp gió mạnh hơn trước đây, nước biển dâng cao tràn qua đê	Toàn xã	70% nhà bị tốc mái nhiều. Diện tích lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng., ảnh hưởng đến thâm canh.	Sức gió quá mạnh, đê chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp.	Chủ động phòng chống bão. Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa; bảo vệ tài sản của nhân dân.
10/2012	Bão to	Gió cấp 14, ngày càng mạnh hơn, nước biển tràn qua đê. Thời điểm bão xuất hiện muộn so với những năm trước đây	Toàn xã	70% nhà cấp 4 bị tốc mái; 5% nhà bán kiên cố bị đổ; 60% diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu bị mất trắng; hệ thống cột điện bị đổ 80%; nuôi trồng thủy hải sản bị mất mùa.	Nhà chưa kiên cố; sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác, người dân chủ quan.	Chằng chống nhà cửa; sơ tán dân thuộc khu vực ven đê (X1 - X7).
Cụm 3 (xóm 8, 9, 10, 11)						
4/1965	Sét đánh	Mưa giông, sấm sét.	Xóm 9, 10	Chết 2 người.	Đi làm đồng	Không
9/1972	Bão to	Gió mạnh, mưa lớn,	Toàn xã	30% - 40% nhà đổ, 90% tốc mái.	Bão gió mạnh	Chằng chống nhà cửa.
9/2005	Bão số	Gió mạnh	Toàn xã	Thiệt hại 50%	Sức gió quá	Sơ tán dân, về

	7	trên cấp 12; triều cường	Nước mặn tràn qua đê ngập xóm 1,2,3	diện tích lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng.	manh, mưa lớn kéo dài.	trường học và sang xã Hải Hà.
11/2012	Bão Son tinh	Gió mạnh; phức tạp khó dự đoán	Toàn xã	90% nhà mái ngói bị tốc mái, thiệt hại mùa màng, hoa màu, nuôi trồng thủy hải sản.	Nhà bán kiên cố còn nhiều, sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác, người dân chủ quan.	Chằng chống nhà cửa; chủ động dự trữ lương thực, nước uống.
Cụm 4 (xóm 12, 13, 14, 15)						
8/1962	Bão C	Gió to cấp 12	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, nước tràn qua đê; diện tích lúa, hoa màu bị ngập	Nhà chưa kiên cố còn nhiều nhà đất, nhà tranh; sức gió lớn.	Chằng chống nhà cửa.
8/1986	Bão lớn	Gió trên cấp 12; mưa to, nước biển dâng	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tốc mái, người dân bị tai nạn thương tích; diện tích lúa, hoa màu bị ngập.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; sức gió lớn.	Huy động nhân dân đắp đê, người dân tự chằng chống nhà cửa.
8/1996	Bão lớn	Mưa nhiều	Toàn xã	Đổ cột điện, 30% nhà bị đổ, 90% nhà bị tốc mái, ruộng vườn hoa màu bị ngập.	Tỷ lệ nhà chưa kiên cố còn cao.	Sơ tán dân, huy động nhân dân đắp đê.
9/2005	Bão lớn	Cấp gió mạnh hơn trước, trên cấp 12	Vỡ đê, đổ nhà, tốc mái	Nhà đổ, tốc mái nhiều. Diện tích lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng.	Sức gió quá mạnh, đê chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp.	Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa; bảo vệ tài sản của nhân dân; chuẩn bị vật tư ứng cứu.
T9/201 2	Bão to	Gió cấp 14, ngày càng mạnh hơn	Toàn xã	40% nhà cấp 4 bị tốc mái; diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu bị mất trắng.	Nhà chưa kiên cố; sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác.	Chằng chống nhà cửa.

PHỤ LỤC 5. LỊCH MÙA VỤ

Xã: Hải Phúc

Cum 1: Xóm 1, 2, 3, 4

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Trồng màu (Ngô, khoai, bí xanh, hành...)							Ít hơn					
Nghề may												
Nuôi trồng thủy sản nước mặn (tôm thẻ...)												
Nuôi trồng nước ngọt (cá trôi, trắm...)												
Đánh bắt thủy hải sản gần bờ												
Đi làm ăn xa (đi xây, giúp việc...)												
Thợ mộc, thợ hàn												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm (lợn, gà, vịt)												
Kinh doanh, dịch vụ												
Lễ hội Phật giáo	Lễ đình làng		Lễ mầu		Phật Đản			Đền Trần				
Lễ hội Công giáo	Lễ quan thầy		Lễ phục sinh									Noen và lễ trâu
Bão												
Ngập lụt			Nhiều hơn			Nhiều hơn						
Giông sét						Ít hơn						
Ô nhiễm môi trường												
Dịch bệnh cây trồng			Vụ chiêm				Vụ mùa					
Dịch bệnh vật nuôi												

Cum 2: Xóm 5, 6, 7

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Trồng màu												
Nuôi trồng thủy sản												
Chăn nuôi												
Thợ xây												
Làm may												
Kinh doanh, dịch vụ												
Lễ hội			Chùa Hạ Lạn									
Bão												
Ngập úng												
Giông sét												
Rét đậm, rét hại												
Nhiễm mặn												
Sương muối												

Cum 3: Xóm 8, 9, 10, 11

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Trồng màu												
Làm may												
Thợ mộc												
Thợ xây												
Chăn nuôi nhỏ lẻ												
Lễ chùa Hạ Lạn												
Lễ hội đình làng												

Bão												
Rét đậm, rét hại												
Giông sét												

Cum 4: Xóm 12, 13, 14, 15

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Trồng màu												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Thợ xây, thợ hàn, thợ mộc, thợ may												
Kinh doanh, dịch vụ												
Thêu hạt cườm, móc sợi												
Lễ hội												
Bão												
Ngập úng												
Nhiễm mặn												
Sương muối												
Rét đậm, rét hại												
Giông sét												
Nước biển dâng												
Dịch bệnh cây trồng, vật nuôi												
Ô nhiễm môi trường												

Toàn xã:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Trồng màu (Ngô, khoai, bí xanh, hành...)												

Nghề may												
Nuôi trồng thủy sản nước mặn (tôm thẻ...)												
Nuôi trồng nước ngọt (cá trôi, trắm...)												
Đánh bắt thủy hải sản gần bờ												
Đi làm ăn xa (đi xây, giúp việc...)												
Thợ mộc, thợ hàn												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm (lợn, gà, vịt)												
Thêu hạt cườm, móc sợi												
Kinh doanh, dịch vụ												
Lễ hội Phật giáo	Lễ đình làng		Lễ mầu		Phật Đản			Đền Trần				
Lễ hội Công giáo	Lễ quan thầy		Lễ phục sinh									Noen và lễ trâu
Bão												
Ngập lụt			Nhiều hơn			Nhiều hơn						
Giông sét						Ít hơn						
Sương muối												
Rét đậm, rét hại												
Nước biển dâng												
Ô nhiễm môi trường												
Dịch bệnh cây trồng			Vụ chiêm			Vụ mùa						
Dịch bệnh vật nuôi												

PHU LUC 6. BẢNG PHÂN TÍCH SINH KẾ

Xã: Hải Phúc

Loại hình Sinh kế	Ai làm	Số người làm trong xã	Thu nhập ngày/tháng	Chính quyền xã có hỗ trợ gì không	Các mối nguy hiểm, rủi ro trong sinh kế	Thiệt hại, mất mát, tổn thương đã xảy ra	Các biện pháp đã áp dụng để giảm rủi ro, nguy hiểm	(Đề xuất) Các biện pháp thay thế khả thi
Cụm 1 (xóm 1, 2, 3, 4)								
Trồng lúa (vụ chiêm, vụ mùa)	Nam, nữ	90 % số hộ	200.000đ/ sào/năm 2 vụ	- Hỗ trợ điện tích lúa mất trắng 9.000 đ/sào/vụ - Tập huấn khoa học kỹ thuật.	Bão, lụt; sâu bệnh; nhiễm mặn; chuột, ốc brou vàng	Mất mùa, giảm năng suất	- Phun thuốc trừ sâu, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. - Thay đổi giống lúa mới. - Thau chua rửa mặn, cải tạo đất. - Diệt chuột, ốc brou vàng.	- Công trình thủy lợi cần nâng cấp, - Phải có hệ thống tưới tiêu riêng. - Giảm giá cả vật tư đầu vào.
Trồng màu (ngô)	Nam, nữ	50% số hộ	2 - 4 triệu đ/năm	Không	Bão lụt; dịch bệnh; nhiễm mặn	Mất mùa, giảm năng suất	Cải tạo đất, phun thuốc, bón phân.	
Chăn nuôi lợn, gà vịt...	Nam, nữ (80%)	70-80% số hộ	10 - 15 triệu/năm/ gia trại	Không	Bệnh dịch; giá cả bấp bênh	Giảm năng suất thu nhập	Sử dụng thuốc phòng bệnh; vệ sinh chuồng trại	Cần áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi
Nghề may	Nữ (thanh niên)	4-5% số lao động	2,5triệu/ người/tháng		Công việc không ổn định	Thu nhập thấp		
Đi làm xa (thợ xây)	Chủ yếu là nam, nữ ít	10% số lao động	3-5 triệu đ/ người/ tháng		Tai nạn lao động, ngã ráo	- Gãy chân tay, chết người (1 người) - Sức khỏe bị giảm sút - Công việc không ổn định	Cẩn thận trong lao động	Cần mua bảo hiểm y tế

Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Nam (80%), nữ	30-40 hộ	70-80 triệu đ/ sào/năm		Dịch bệnh; ngập lụt.	Giảm năng suất; mất trắng	Thuốc phòng dịch; vệ sinh ao đầm; thay nước, nạo vét bùn đất, rắc vôi khử trùng	Cần áp dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
Đánh bắt gần bờ	Nam	5% số lao động chính	200.000-300.000đ/ ngày		Đuổi nước	Thiệt mạng	Chuẩn bị một số ngư cụ cần thiết để đánh bắt	Cần trang bị đầy đủ ngư cụ và trang thiết bị áo phao để đánh bắt.
Thợ mộc, thợ hàn	Nam	2% số hộ (6 xưởng)	6 triệu/ tháng		Tai nạn lao động	Máy cưa chém vào tay ảnh hưởng đến sức khỏe.		
Cụm 2 (xóm 5, 6, 7)								
Trồng lúa	Nam, Nữ (80%)	100% số hộ	100.000đ/ sào/vụ	- Hỗ trợ lúa mất trắng 9.000 đ/sào/vụ - Được tập huấn phổ biến kỹ thuật sản xuất	Thiên tai, bão, rét đậm vụ chiêm, nhiễm mặn vụ mùa.; sâu bệnh	Mất mùa, giảm năng suất	- Phun thuốc trừ sâu, bón phân lân, vôi bột. - Dùng ni lông che mạ. - Đã chuyển 5% diện tích trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản nuôi cá, tôm thẻ chân trắng.	Đề nghị chuyển diện tích lúa bị nhiễm mặn xóm 5, 6, 7 sang nuôi trồng thủy hải sản hoặc trang trại chăn nuôi gia súc và trồng màu.
Trồng màu	Nam, nữ	30% số hộ	2 triệu đ/ năm	Không	Bão lụt, dịch bệnh, nhiễm mặn	Mất mùa, giảm năng suất	Cải tạo đất; phun thuốc, bón phân.	
Chăn nuôi	Nam, nữ	90% số hộ (15 gia trại, mỗi gia trại khoảng 15 -20 con)	- Nuôi nhỏ lẻ Không có lãi. - Gia trại thu nhập khoảng 5 triệu/năm/ hộ	Tập huấn kỹ thuật, tiêm phòng	Dịch bệnh; vốn đầu tư cao	Chết lợn, gà; lỗ vốn	Vệ sinh chuồng trại; tiêm phòng sớm theo định kỳ	
Nuôi trồng thủy	Nam, nữ	7 số hộ	Thu nhập gấp 3 lần trồng lúa	Được tập huấn phổ biến kỹ	Thiên tai, dịch bệnh, ô	Mất sản lượng	Xử lý ao đầm, thay nước	

hải sản				thuật sản xuất, hỗ trợ vay vốn	nhiễm nguồn nước, thiên tai			
Thợ xây, thợ mộc, thợ hàn	Nam chiếm 80%	30% lao động chính	3 triệu đ/ tháng		Ngã ráo, tai nạn	Chết người, bị thương tật		
Thợ may	Nữ 100%	5% số hộ	2,5 triệu/ tháng			Công việc và thu nhập không ổn định		
Kinh doanh, dịch vụ gia đình	Nam Nữ	15 hộ	300.000đ/ tháng		Mua chịu, giá cả chất lượng kém, hàng ế đọng	Thu nhập không ổn định		
\Cụm 3 (xóm 8, 9, 10, 11)								
Trồng lúa	Nam, Nữ (80%)	60% số hộ	200.000đ/ vụ/sào	Hỗ trợ 9.000đ/sào khi gặp thiên tai	Bão, lụt; dịch bệnh	Mất mùa, giảm năng suất	Áp dụng khoa học kỹ thuật; đầu tư máy cày, máy gặt	Chọn giống tốt, chất lượng cao kháng rầy
Trồng màu	Nam, Nữ (80%)	90% số hộ	180.000đ/ hộ/tháng	Hỗ trợ giống rau	Sâu bệnh, mưa, bão	Giảm năng suất	Phun thuốc trừ sâu; áp dụng khoa học kỹ thuật trồng diện tích mẫu lớn	Đề nghị đưa giống mới phù hợp với địa phương.
Thợ mộc	Nam, Nữ (20%)	0,5% số hộ	3 triệu/ người/tháng	Không	Tai nạn lao động	Cụt tay, chân	Đưa máy móc vào sản xuất	Chính quyền hỗ trợ vay vốn
Thợ may	Nữ chiếm 100%	5% số hộ	3 triệu/ người/tháng	Đào tạo nghề	Điện giật, bệnh nghề nghiệp	Ảnh hưởng đến sức khỏe	May theo dây chuyền công nghiệp	
Đi làm xa (thợ mộc, thợ xây)	Nam, Nữ (20%)	20% số hộ	5 triệu/ người/tháng	Không	Tai nạn lao động, ngã ráo	Chết người, không được trả tiền công	Bảo đảm an toàn lao động	Mua bảo hiểm y tế
Chăn	Nam,	90%	300.000đ/	Tiêm	Chết vật	Tiêm		

nuôi nhỏ lẻ (lợn, gà)	Nữ (80%)	số hộ	6 tháng/hộ	phòng dịch	nuôi, giảm thu nhập	phòng dịch, vệ sinh chuồng trại		
Kinh doanh dịch vụ (xe khách, vận tải, tắc xi, buôn bán dịch vụ....)	Nam, Nữ (50%)	5% số hộ	10 triệu/ tháng/hộ	Cho vay vốn ưu đãi	- Tai nạn giao thông. - Hàng kém chất lượng không được kiểm soát	- Chết người, hỏng phương tiện. - Mất vốn, giảm thu nhập	Đầu tư xe chất lượng cao	Chính quyền tạo điều kiện vay vốn
Cụm 4 (xóm 12, 13, 14, 15)								
Trồng lúa	Nam, Nữ (80%)	90% số hộ	100.000đ/ sào/vụ	Tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ 9.000đ/sào khi bị thiên tai	Dịch bệnh, rầy nâu, vàng lùn xoắn lá, thiên tai bão, ngập úng, nhiễm mặn	Mất mùa khoảng 50-70%	Phun thuốc, bón vôi, lân	Nâng cấp kè đê từ cống Hà Lạn đến cầu Hà Lạn khoảng 2,5 km
Trồng màu	Nam, Nữ (80%)	30-40% số hộ	Thu nhập không ổn định		Dịch bệnh	Mất mùa	Phun thuốc	Sản xuất các loại thuốc chống sâu bệnh đảm bảo chất lượng
Chăn nuôi gà, lợn	Nam, Nữ (80%)	90%	Thu nhập không ổn định		Dịch bệnh; giá đầu vào cao, đầu ra thấp	Chết gia súc	Tiêm phòng	
Thợ xây, thợ hàn, thợ mộc	Nam 80%	80% lực lượng lao động	3 - 4 triệu/ tháng		Tai nạn	Chết người		
Thợ may	Nữ chiếm 100%	20 người	3 triệu/ người/tháng	Đào tạo nghề	Điện giật, bệnh nghề nghiệp	Ảnh hưởng đến sức khỏe		
Kinh doanh, dịch vụ	Nam, Nữ	20 hộ	5 triệu/ người/tháng		Mua chịu			

Thêu hạt cườm, móc sợi	Nữ chiếm 100%	60 người	200.000đ/ tháng		Công việc không ổn định,	Thu nhập thấp		
------------------------------------	---------------------	-------------	--------------------	--	-----------------------------------	---------------------	--	--

PHỤ LỤC 7. BẢNG PHÂN TÍCH HIỂM HỌA TỰ NHIÊN,
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Xã: Hải Phúc

Hiểm họa, hiện tượng thời tiết cực đoan	Tần suất	Mức độ tác động	Khi nào thường xảy ra	Diễn ra trong bao lâu	Dấu hiệu cảnh báo	Khu vực bị ảnh hưởng
Cụm 1 (xóm 1, 2, 3, 4)						
Bão	Cao	Nghiêm trọng (đổ nhà, tốc mái)	Tháng 7 - 9	2 đến 3 ngày	Trời âm u, gió may, cỏ gà mọc trắng, kiến đen bò về tổ	Toàn xã
Lụt	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 3 - 7	2 - 3 ngày	Mưa nhiều	Xóm 1 - 4
Giông sét	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 3 - 6	0,5 - 1 phút	Mưa to, gió lớn	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 10 - 12	3 tháng	Mưa bão, triều cường	Khu vực ven đê
Cụm 2 (xóm 5, 6, 7)						
Bão	Cao	Rất nghiêm trọng	Tháng 6 - 9	1 - 2 ngày	Gió may nhiều, trời oi bức; rang mỡ gà, chim bay trú ẩn	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 8 - 11	4 tháng		Xóm 1 - 7
Ngập úng	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 6 - 8	7 - 10 ngày	Mưa nhiều nước triều cường dâng cao	Toàn xã
Sét đánh	Thấp	Ít nghiêm trọng	Tháng 7 - 9	3 phút	Mưa giông	Cánh đồng, nhà dân
Sương muối	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 9 - tháng 2 năm sau	5 tháng	Sương dày đặc; độ ẩm cao	Toàn xã
Cụm 3 (xóm 8, 9, 10, 11)						
Bão	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 7 - 10	Từ 1 - 2 ngày	Ti vi, đài báo TŨ và địa phương; kinh nghiệm dân gian, mưa rong âm u, nóng oi	Toàn xã
Rét đậm, rét hại	Thấp	Nghiêm trọng	Tháng 12 - tháng 2 năm sau	từ 7 - 10 ngày		
Sét đánh	Thấp	Nghiêm trọng	Tháng 5 - 10	Từ 1 - 2 phút	Sấm chớp, mây u ám	
Cụm 4 (xóm 12, 13, 14, 15)						
Bão	Cao	Rất nghiêm trọng	Tháng 8 - 10	6 - 10 tiếng	Oi nóng, lúc mưa, lúc nắng	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 8 - 10	2 - 3 năm	Cây chết héo	Xóm 1, 2, 3, 5

Rét đậm	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 12 - tháng 3 năm sau	4 tháng	Váng nước đen	Toàn xã
Ngập úng	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 8 - 10	3 - 4 ngày	Mưa nhiều, mưa to	Toàn xã
Sương muối	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 12 - tháng 3 năm sau	5 - 7 ngày/ đợt	Độ ẩm cao, nước biên bốc hơi	Toàn xã
Sét đánh	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 5 - 6	5 - 10 phút	Cơn giông, mưa	Xóm 9, 11, 13

PHỤ LỤC 8. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI VẤN ĐỀ VÀ BIÊN PHÁP
GIẢM NHẸ RỦI RO

T T	Vấn đề	Các yếu tố làm tăng rủi ro	Cách khắc phục	Sáng kiến/ hoạt động cụ thể	Kế hoạch thực hiện		
					Ai sẽ làm	Mức độ cấp thiết	Các nguồn lực
1.	Người dân lo lắng thiệt hại tính mạng và tài sản khi có thiên tai (bão, lụt)	Vỡ đê biển và đê sông khi có bão từ cấp 10 trở lên kết hợp nước biển dâng do: - Đê biển cao trình thấp không chịu được gió bão. - Đê sông Sò (đê đất) từ đoạn cầu Hà Lạn đến cầu Thúc Khóa (mới cứng hóa mặt đê 1/3,5 km).	- Nâng cao trình và cứng hóa đê biển thích ứng BĐKH, chịu được gió bão lớn (từ cấp 10 trở lên). - Kiên cố hóa đê sông đoạn cầu Hà Lạn đến cầu Thúc Khóa.	Khảo sát thực trạng, thiết kế, dự toán, kêu gọi kinh phí thi công. Khảo sát thực trạng, thiết kế, dự toán, kêu gọi kinh phí thi công.	Chính quyền địa phương, ngành chức năng. Chính quyền địa phương, ngành chức năng.	Dài hạn Dài hạn	Ngân sách nhà nước, kêu gọi nhà tài trợ. Ngân sách nhà nước, kêu gọi nhà tài trợ.
		Đường cứu hộ cứu nạn xóm 1, 2, 3, 4 hiện tại đang thi công chưa hoàn thành.	Hoàn thành đường cứu hộ xóm 1, 2, 3, 4 trước mùa mưa bão năm nay.	Tăng cường kiểm tra giám sát, đẩy nhanh tiến độ thi công.	Chính quyền địa phương, các ngành liên quan	Ngắn hạn	Ngân sách Nhà nước, dự án
		Thiếu thông tin cảnh báo khi gặp mưa bão: - Hệ thống truyền thanh xuống cấp;	Trang bị hệ thống thông tin cảnh báo: - Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh;	- Trang bị đủ cụm loa truyền thanh và loa không dây đến các xóm. - Khảo sát, dự toán, kêu gọi kinh phí thực	- Chính quyền địa phương, dự án. - Chính quyền, Đài Truyền thanh.	Làm ngay Ngắn hạn	Ngân sách địa phương, dự án Nhà nước, Nhà tài trợ. Nhà nước, Nhà tài trợ

	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu cụm loa truyền thanh; - Chưa có loa cầm tay, âm ly lưu động để thông tin khi hệ thống truyền thanh không hoạt động do mất điện; - Chưa có bảng tin, biển báo tại các xóm, vùng nguy cơ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp thêm cụm loa truyền thanh (10 cụm) bổ sung cho các xóm; - Trang bị loa cầm tay, âm ly lưu động. - Lắp đặt bảng tin, biển báo tại các xóm, vùng nguy cơ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> hiên nâng cấp. - Khảo sát, dự toán, kêu gọi kinh phí, chọn nhà cung cấp mua lắp đặt 10 cụm loa. - Khảo sát, dự toán, kêu gọi kinh phí, chọn nhà cung cấp mua trang bị cho xã, các xóm Khảo sát, dự toán, kêu gọi kinh phí, chọn nhà cung cấp, lắp đặt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền, Đài Truyền thanh. Chính quyền, Hội CTĐ Chính quyền, Hội CTĐ 	<ul style="list-style-type: none"> Ngắn hạn Ngắn hạn Ngắn hạn 	<ul style="list-style-type: none"> Nhà tài trợ Nhà tài trợ Nhà tài trợ
	Đội cứu hộ cứu nạn còn hạn chế về kiến thức và kỹ năng phòng ngừa ứng phó thảm họa.	Tập huấn kiến thức, kỹ năng phòng ngừa ứng phó thảm họa cho đội cứu hộ cứu nạn.	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát nhu cầu số người; - Xây dựng tài liệu; - Chuẩn bị đội ngũ tập huấn viên; - Dự toán kinh phí, kêu gọi tài trợ để tổ chức tập huấn; - Tổ chức diễn tập. 	<ul style="list-style-type: none"> Chính quyền địa phương, dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> Ngắn hạn 	<ul style="list-style-type: none"> Xin hỗ trợ từ các dự án
	Thiếu phương tiện phòng ngừa ứng phó thảm họa như phao, áo phao, thuyền, đèn pin, cưa máy...	Trang bị phương tiện ứng phó như phao, áo phao, thuyền, đèn pin, cưa máy...	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát nhu cầu, khảo sát giá, dự toán, chọn nhà cung cấp, mua trang bị. 	<ul style="list-style-type: none"> Chính quyền địa phương, dự án 	<ul style="list-style-type: none"> Ngắn hạn 	<ul style="list-style-type: none"> Xin hỗ trợ từ các dự án.

		<p>Trường học làm điểm sơ tán dân gặp khó khăn.</p> <p>Nhà vệ sinh, công trình nước sạch không đảm bảo (xuống cấp, thiếu) và thường mất điện khi có thiên tai.</p>	<p>- Cải tạo, nâng cấp công trình vệ sinh, nước sạch trường học nhằm đáp ứng nhu cầu cho giáo viên, học sinh và phục vụ sơ tán dân khi có thiên tai.</p> <p>- Trang bị máy phát điện trường học.</p>	<p>Khảo sát, thiết kế, dự toán, kêu gọi kinh phí xây dựng.</p> <p>Khảo giá, kêu gọi kinh phí, chọn nhà cung cấp, mua trang bị cho trường học.</p>	<p>Chính quyền, dự án</p> <p>Chính quyền, dự án</p>	<p>Trung hạn</p> <p>Ngắn hạn</p>	<p>Dự án, nhà tài trợ</p> <p>Dự án, nhà tài trợ</p>
		<p>Nhà bán kiên cố xuống cấp, thiếu an toàn</p>	<p>Sửa chữa nâng cấp nhà an toàn trước thiên tai.</p>	<p>- Vận động nhân dân đầu tư nâng cấp nhà an toàn.</p> <p>- Giúp hộ nghèo và cận nghèo vay vốn hoặc hỗ trợ vốn để có điều kiện sửa chữa nâng cấp nhà ở an toàn trước thiên tai.</p>	<p>- Chính quyền địa phương, các ngành liên quan.</p> <p>- Chính quyền địa phương, các ngành liên quan</p>	<p>Ngắn hạn</p> <p>Dài hạn</p>	<p>Xin hỗ trợ từ các dự án</p> <p>Dự án, nhà tài trợ, N.H CSXH, tín dụng.</p>
2.	<p>Thiệt hại trong trồng lúa, màu ảnh hưởng đến thu nhập đời sống</p>	<p>Dịch bệnh, sâu rầy, vàng xoắn lá, chuột, ốc bươu vàng.</p>	<p>Phòng trừ sâu bệnh, chuột, ốc bươu vàng.</p>	<p>- Tập huấn quy trình kỹ thuật phun thuốc phòng trừ sâu bệnh.</p> <p>- Phun thuốc trừ sâu, vãi vôi tránh lây lan dịch bệnh.</p> <p>- Dùng thuốc, bẫy diệt chuột, thuốc trừ ốc bươu vàng.</p>	<p>Ban Nông nghiệp, HTX, người dân</p>	<p>Ngắn hạn</p>	<p>Địa phương, người dân</p>

				- Bắt chuột và ốc bươu vàng.			
		Ngập úng, nhiễm mặn, rét đậm rét hại, sương muối.	Phòng, chống ngập úng, nhiễm mặn, rét đậm rét hại, sương muối cho cây trồng.	- Bơm nước chống úng và thau rửa đồng ruộng. - Che ni lông chống rét, sương muối cho mạ và rau màu. - Khảo sát, đề nghị cấp trên cho phép và có chính sách hỗ trợ chuyển đổi diện tích ngập úng và nhiễm mặn không khắc phục được sang nuôi trồng thủy hải sản theo quy hoạch và yêu cầu.	Chính quyền, người dân	Ngắn hạn	Người dân
		Thuốc trừ sâu, phân bón kém chất lượng	Lựa chọn thuốc sâu, phân bón đảm bảo chất lượng	- Có cơ quan kiểm định chất lượng trước khi xuất bán ra thị trường. - Cần kiểm tra, xử phạt buôn bán thuốc trừ sâu và phân bón kém chất lượng.	Chính quyền, các cơ quan chức năng	Thường xuyên	Nhà nước, cơ quan chức năng
		50% đường nội đồng chưa được cứng hóa, đi lại sản xuất khó khăn.	Cứng hóa 50% đường nội đồng phục vụ sản xuất.	Khảo sát, thiết kế, dự toán, vận động kinh phí thực hiện.	Chính quyền, cơ quan chuyên môn, người dân.	Dài hạn	Ngân sách địa phương, người dân

		Chưa có cánh đồng mẫu lớn, thiếu mô hình trình diễn khoa học kỹ thuật.	Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, xây dựng mô hình trình diễn áp dụng khoa học kỹ thuật trồng lúa, màu có hiệu quả.	Khảo sát, quy hoạch trình cấp trên phê duyệt và có chính sách hỗ trợ xây dựng cánh đồng mẫu lớn, xây dựng mô hình trình diễn.	Chính quyền, Ban nông nghiệp, các HTX, người dân.	Trung hạn	Nhà nước, người dân, nhà tài trợ.
		Dịch vụ giống vật tư cao, giá nông sản thấp	Điều chỉnh giá giống, vật tư, và giá tiêu thụ nông sản.	Đề nghị Nhà nước có chính sách điều tiết về giá cả vật tư và chính sách thu mua giá nông sản cho phù hợp.	Chính quyền, các cơ quan chức năng	Trung hạn	Nhà nước, cơ quan chức năng
3.	Người dân lo lắng thiết hại chăn nuôi ảnh hưởng thu nhập đời sống	Giá vật tư trong chăn nuôi cao, đầu ra thấp.	Giảm giá thành vật tư trong chăn nuôi.	- Kiến nghị Nhà nước quản lý chặt chẽ giá cả vật tư chăn nuôi; - Người dân tự chế tạo thức ăn tự nhiên.	Chính quyền, người dân	Lâu dài	Nhà nước
		Dịch bệnh phát sinh ở gia súc, gia cầm, thủy cầm do chuồng trại chưa đảm bảo vệ sinh và không phù hợp với từng mùa.	Thường xuyên vệ sinh chuồng trại; làm chuồng trại phù hợp với khí hậu từng mùa.	Nâng cao kiến thức về chăn nuôi cho người dân. Dùng vôi khử trùng, vệ sinh chuồng trại thường xuyên. Che chắn chuồng trại ẩm vào mùa đông, thoáng mát vào mùa hè.	Người dân	Thường xuyên	Người dân
		Vật nuôi bị chết do thiên tai mưa bão gây ngập lụt, nước cuốn trôi.	Không để nước ngập, lụt chuồng trại.	Xây chuồng trại nền cao; kê cao, sơ tán vật nuôi khi bị mưa bão.	Người dân	Thường xuyên	Người dân

4.	Thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống người dân	<ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm nguồn nước - Chưa có hệ thống thu lợi riêng cho nuôi trồng thủy hải sản - Ao, đầm chưa kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh ao đầm, cung cấp nguồn nước sạch cho nuôi trồng thủy hải sản. - Làm hệ thống thủy lợi riêng cho nuôi trồng thủy hải sản. - Nâng cấp, gia cố ao đầm 	<ul style="list-style-type: none"> - Thau nước, vãi vôi, khử tạp, phơi đầm. - Đầu tư phương tiện, vật tư, nâng cấp và quy hoạch hệ thống nước ra, vào, ao đầm riêng biệt, không chung với hệ thống nước cung cấp cho trồng lúa. - Đề nghị cơ quan thủy nông cấp trên cần quan tâm đến vấn đề thủy lợi nội đồng, xây dựng 2 hệ thống thủy lợi riêng giữa nuôi trồng thủy hải sản và trồng lúa. - Đề nghị Ngân hàng cho vay vốn để cải tạo nâng cấp ao đầm. 	Chính quyền, Hộ nuôi trồng, Ngân hàng	Thường xuyên	Người dân, Ngân hàng
		Dịch bệnh trên tôm, cá phát sinh thường xuyên	Phòng chống dịch bệnh cho tôm cá	<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch cụ thể và thông tin kịp thời phòng chống dịch bệnh nuôi trồng thủy hải sản. - Cải tạo môi trường, nguồn nước. - Vãi thuốc, thay nước, lắp quạt gió đảo nước để tạo ô xy. 	Chính quyền, hộ nuôi trồng	Thường xuyên	Chính quyền, hộ nuôi trồng
		Con giống không đảm bảo chất lượng.	Lựa chọn con giống tốt, đảm bảo chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích mở các cơ sở sản xuất giống tại địa phương. - Tìm các cơ sở có uy tín, thương hiệu để mua giống chất lượng cao. - Có cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm về chất lượng con giống và vật tư. 	Chính quyền, hộ nuôi trồng	Vào mùa vụ	Ngân sách địa phương, hộ nuôi trồng

		<p>Kiến thức nuôi trồng bị hạn chế do ít được tập huấn và ít được học tập chia sẻ kinh nghiệm.</p> <p>Bờ ao, đầm thiếu kiên cố.</p>	<p>- Tổ chức nhiều lớp tập huấn và các hình thức hội thảo, tham gia học tập chia sẻ kinh nghiệm.</p> <p>- Nâng cấp kiên cố bờ ao đầm cao để chống chịu được thiên tai.</p>	<p>- Khảo sát nhu cầu, lập kế hoạch tìm nguồn kinh phí để tổ chức tập huấn.</p> <p>- Khảo sát tìm hiểu mô hình nuôi trồng tốt và người nuôi trồng có hiệu quả để tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm.</p> <p>- Đầu tư vốn để cải tạo nâng cấp bờ ao đầm.</p> <p>- Có chính sách cho hộ nuôi trồng thủy sản vay vốn lãi suất thấp</p>	<p>- Trung tâm học tập cộng đồng và các hộ nuôi trồng.</p> <p>- Hộ nuôi trồng Nhà nước, Ngân hàng</p>	<p>Thường xuyên</p> <p>Ngắn hạn</p>	<p>Nhà nước và người dân</p> <p>Nhà nước Các hộ nuôi trồng</p>
5.	Ô nhiễm môi trường và chất lượng nguồn nước không đảm bảo ảnh hưởng đến sức khỏe người dân	<p>Chất lượng nước chưa đảm bảo do:</p> <p>- Còn nhiều hộ dân dùng nước giếng khoan, chưa có bể, máy lọc nước.</p> <p>- Chưa có hệ thống cung cấp nước sạch cho nhân dân.</p> <p>- Vẫn còn một số hộ dân chưa có hố xí hợp vệ sinh.</p>	<p>Cần có hệ thống lọc nước cho các hộ gia đình.</p> <p>Cần có hệ thống cung cấp nước sạch cho người dân.</p> <p>Làm hố xí hợp vệ sinh</p>	<p>- Tuyên truyền vận động người dân xây bể lọc hoặc mua máy lọc nước.</p> <p>- Xét nghiệm chất lượng nước và khuyến cáo người dân</p> <p>Khảo sát, lập kế hoạch, dự trù kinh phí, kêu gọi đầu tư</p> <p>Vận động người dân tự làm, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo về kinh phí.</p>	<p>Chính quyền, người dân</p> <p>Chính quyền, cơ quan chuyên môn</p> <p>Chính quyền, cơ quan chuyên môn</p> <p>Chính quyền, cơ quan chuyên môn</p>	<p>Ngắn hạn</p> <p>Ngắn hạn</p> <p>Dài hạn</p> <p>Ngắn hạn</p>	<p>Nhà nước, cơ quan chuyên môn, người dân</p> <p>Ngân sách địa phương,</p>
		<p>Ô nhiễm môi trường do:</p> <p>- Người dân còn xả rác thải, vỏ thuốc trừ sâu, xác</p>	<p>- Không xả rác thải và xác động vật ra môi trường.</p>	<p>- Trong các cuộc họp tuyên truyền cho mọi người về ý thức bảo vệ môi trường, không vứt rác</p>	<p>Chính quyền, người dân</p>	<p>Làm ngay</p>	<p>Ngân sách địa phương,</p>

		<p>động vật ra môi trường</p> <p>- Chưa có hệ thống xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn tại bãi rác tập trung.</p>	<p>- Xây dựng hệ thống xử lý rác thải tại bãi rác tập trung.</p> <p>- Đặt các thùng chứa rác tại khu dân cư.</p>	<p>bừa bãi.</p> <p>- Xây bể chứa rác ở đầu bờ ruộng để chứa vỏ thuốc trừ sâu.</p> <p>- Lập kế hoạch, dự trù kinh phí, kêu gọi tài trợ.</p>	Chính quyền	Trung hạn	<p>người dân</p> <p>Ngân sách địa phương, nhà tài trợ, người dân</p>
--	--	--	--	--	-------------	-----------	--

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam

Được tài trợ bởi USAID, thực hiện bởi Tổ chức Winrock International phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổ chức phát triển Hà Lan SNV, Hội chữ thập đỏ Mỹ, Hội chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm phát triển nông thôn bền vững.

Địa chỉ: Nhà D, Khách sạn Công đoàn Quảng Bá, 98 Tô Ngọc Vân, Tây Hồ, Hà Nội.

Tel: (84-4) 3 718 2127 | Fax: (84-4) 3 718 2075

Email: vfd.info@winrock.org